

Số: 1179/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Lao động – Xã hội và Trường khoa Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán (có chương trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính, Trưởng khoa Sau đại học, Trưởng khoa Kế toán và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15 tháng 6 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

Tên chuyên ngành đào tạo	: Kế toán
Mã số	: 8340301
Tên cơ sở đào tạo	: Trường Đại học Lao động - Xã hội
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán được xây dựng theo định hướng ứng dụng, chương trình đào tạo giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Trang bị cho học viên kiến thức tổng hợp về kinh tế học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vi mô, vĩ mô trong nước và quốc tế.
- Trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh để có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, có khả năng thiết kế, vận hành hệ thống kế toán đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập; tham gia vào hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như quá trình ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp

1.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng thực hành thành thạo về Kế toán, tài chính, có khả năng sáng tạo, giải quyết những vấn đề chuyên môn và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

- Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác, đồng thời phát triển những kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá giúp học viên tiếp tục tự học, tự phát triển, nghiên cứu độc lập cũng như khả năng cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán.

- Có kỹ năng trình bày, thuyết phục, giao tiếp, đàm phán.

- Có khả năng nghiên cứu, phân tích và xử lý có căn cứ khoa học các vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

2.1 Yêu cầu về kiến thức

- Hiểu biết và nắm vững những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Có phương pháp luận và tư duy khoa học, sáng tạo.

- Có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm xã hội, hình thành đạo đức nghề nghiệp để phấn đấu không ngừng nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp trên cương vị của mình.

- Nắm vững kiến thức tổng hợp về kinh tế học để phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vi mô, vĩ mô trong nước và quốc tế.

- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán, kiểm toán, tài chính, quản trị kinh doanh để có thể phát hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn, có khả năng thiết kế, vận hành hệ thống kế toán đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong điều kiện hội nhập; tham gia vào hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp cũng như quá trình ra quyết định của các nhà quản trị doanh nghiệp.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Kỹ năng thực hành thành thạo về Kế toán, tài chính, có khả năng sáng tạo, giải quyết những vấn đề chuyên môn và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, tài chính.

- Khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác, đồng thời phát triển những kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá giúp học viên tiếp tục tự học, tự phát triển, nghiên cứu độc lập cũng như khả năng cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán.

- Có tư duy logic, khả năng phân tích và tổng hợp, phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng trình bày, thuyết phục, giao tiếp, đàm phán.

- Khả năng nghiên cứu, phân tích và xử lý có căn cứ khoa học các vấn đề thực tế của doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.

- Có trách nhiệm tự nghiên cứu để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để tiếp tục học bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

2.4. Yêu cầu về thái độ

- Chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước.
- Quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm
- Biết xử lý hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia.
- Tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, chủ động cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc
- Đáp ứng các yêu cầu đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp

2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn về các chính sách tài chính, kế toán trong các tập đoàn, tổng công ty và công ty, các doanh nghiệp kiểm toán, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp thuộc mọi lĩnh vực của nền kinh tế từ trung ương đến địa phương.

- Chuyên viên cao cấp về phân tích tài chính, quản trị kinh doanh và kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu viên và giảng viên kế toán, kiểm toán, tài chính trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp nếu được trang bị thêm kiến thức và phương pháp giảng dạy đại học, cao đẳng.

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, kế toán, kiểm toán.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Học viên tốt nghiệp đủ điều kiện để tiếp tục học tập, nghiên cứu lấy bằng tiến sĩ ở trong và ngoài nước cùng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau

3. Yêu cầu đối với người dự tuyển

3.1. Điều kiện văn bằng

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng với chuyên ngành Kế toán, không phải học bổ sung kiến thức khi dự tuyển. Danh mục ngành đúng với chuyên ngành Kế toán gồm:

- + Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Kế toán, hoặc
- + Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Kiểm toán... nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

- Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với chuyên ngành kế toán, phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường Đại học Lao động - Xã hội trước thời hạn nộp hồ sơ dự tuyển. Danh mục ngành phù hợp với chuyên ngành Kế toán gồm:

- + Ngành tốt nghiệp đại học là ngành Kiểm toán, hoặc
- + Ngành tốt nghiệp đại học là các ngành: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án, Quản lý công, Hệ thống thông tin quản lý... nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

(Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp được cập nhật hàng năm)

3.2. Điều kiện năng lực ngoại ngữ

a) Thí sinh dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Bảng sau hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố còn hiệu lực trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

(b). Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường (nếu có).

3.3. Điều kiện về lý lịch

Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

3.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

4.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc một hoặc nhiều diện ưu tiên được cộng 1 điểm (theo thang điểm 10) hoặc 0,4 điểm (theo thang điểm 4) vào tổng điểm xét tuyển hồ sơ.

5. Phương thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

6. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành ngày 06/01/2022, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành Kế toán khi có đủ các điều kiện sau:

(1) Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác

do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập

(2). Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

7. Chương trình đào tạo

7.1. Khái quát chương trình

- Tổng số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ
- Tổng số học phần: 17 học phần

Nhóm các học phần:

Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

- Triết học: 04 tín chỉ
- Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ
- Tổng số: 06 tín chỉ

Phần 2: Kiến thức cơ sở: 04 học phần

- *Các học phần bắt buộc:*
 - + Số học phần: 02 học phần
 - + Số tín chỉ: 06 tín chỉ
- *Các học phần tự chọn:*
 - + Số học phần: 02 học phần
 - + Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Phần 3: Kiến thức chuyên ngành: 09 học phần

- *Các học phần bắt buộc:*
 - + Số học phần: 05 học phần
 - + Số tín chỉ: 15 tín chỉ
- *Các học phần tự chọn:*
 - + Số học phần: 04 học phần

+ Số tín chỉ: 12 tín chỉ

Phần 4. Thực tập: 06 tín chỉ

Phần 5. Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	6
	Triết học	4
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	12
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	6
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	27
	Phần kiến thức chuyên sâu bắt buộc	15
	Phần kiến thức chuyên sâu tự chọn	12
4	Phần 4. Thực tập	6
5	Phần 5. Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số		60

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

STT	Mã số học phần		Tên học phần 1	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6		
1	TRH	101	Triết học	4	4	
2	PPN	102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
II.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			12		
2.1	Các học phần bắt buộc			6	6	
1	KTO	201	Lý thuyết kế toán	3	3	
2	KTO	202	Kế toán tài chính nâng cao	3	3	
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 02 trong 04 học phần sau theo từng nhóm)			6	6	

STT	Mã số học phần		Tên học phần 1	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thảo luận
1	KTO	203	Luật và chuẩn mực kế toán	3	3	
2	KTO	313	Hệ thống kiểm soát quản trị	3	3	
3	KTO	205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	3	3	
4	KTO	206	Quản trị chi phí	3	3	
III.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27		
3.1	Các học phần bắt buộc			15	15	
1	QTK	307	Quản trị marketing hiện đại	3	3	
2	QTK	308	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	3	
3	QTN	307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	3	3	
4	QTN	308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3	3	
5	KTO	308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3	
3.2	Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau theo từng nhóm)			12	12	
1	KTO	309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3	3	
2	KTO	310	Tổ chức kế toán nâng cao	3	3	
3	KTO	311	Kiểm toán nội bộ	3	3	
4	KTO	312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	3	
5	KTO	307	Kế toán quản trị nâng cao	3	3	
6	KTO	314	Kế toán thuế nâng cao	3	3	
7	KTO	315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3	3	
8	KTO	316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	3	3	
V.	THỰC TẬP (KTO.417)			6		
IV.	ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (KTO.518)			9		
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV+V)				60		

8. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6							
1	TRH	101	Triết học	4	x				1. TS. Nguyễn Thị Giáng Hương 2. TS. Đoàn Thị Thu Hà	Triết học Tôn giáo học	Trường ĐHLĐ-XH
2	PPN	102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x				1. TS. Nguyễn Quang Vĩnh 2. TS. Ngô Anh Cường 3. TS. Mai Thị Hường	Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh Tài chính – Ngân hàng	Trường ĐHLĐ-XH
II.	PHẦN KIẾN THỨC CỞ SỞ			12							
2.1	Các học phần bắt buộc			6							
1	KTO	201	Lý thuyết kế toán	3		x			1. TS. Phan Thị Thu Mai 2. TS. Hoàng Khánh Vân 3. TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
2	KTO	202	Kế toán tài chính nâng cao	3		x			1. PGS.TS. Bùi Thị Ngọc 2. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh 3. TS. Lê Thị Thanh Hương	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán	Trường ĐHLĐXH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
2.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6							
1	KTO	203	Luật và chuẩn mực kế toán	3		x			1. PGS.TS. Bùi Thị Ngọc 2. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh 3. TS. Tạ Thị Thuý Hằng	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
2	KTO	313	Hệ thống kiểm soát quản trị	3		x			1. PGS.TS. Lê Thị Tú Oanh 2. TS. Tô Thị Ngọc Lan 3. TS. Trần Anh Quang 4. TS. Nguyễn Quốc Hưng	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
3	KTO	205	Kiểm toán và dịch vụ bảo đảm	3		x			1. TS. Đào Mạnh Huy 2. TS. Nguyễn Thị Nga 3. TS. Trần Thị Hương	Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
4	KTO	206	Quản trị chi phí	3		x			1. PGS.TS. Lê Thị Tú Oanh 2. TS. Tô Thị Ngọc Lan 3. TS. Trần Anh Quang 4. TS. Nguyễn Quốc Hưng	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
III.	PHÂN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			30							
3.1	Các môn bắt buộc			18							
1	QTN	307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	3	x				1.TS. Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷ 2. PGS.TS. Lê Thanh Hà 3. TS. Phạm Ngọc Thành 4. TS. Doãn Thị Mai Hương	Quản lý kinh tế Kinh tế Lao động Kinh tế Kinh tế	Trường ĐHLĐ-XH
2	QTN	308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3		x			1. PGS.TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Vũ Hồng Phong 3. TS. Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷ 4. TS. Cấn Hữu Dạn	Kinh tế Lao động Kinh tế Lao động Quản lý kinh tế Quản trị nhân lực	Trường ĐHLĐ-XH
3	QTK	307	Quản trị marketing hiện đại	3	x				1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Phan Thành Hưng 3. TS. Lục Mạnh Hiên 4. TS. Lê Thị Hải Hà	Kinh doanh thương mại Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh Quản trị kinh doanh	Trường ĐHLĐ-XH
4	QTK	308	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	x				1. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm 2. TS. Lục Mạnh Hiên	Quản trị nhân lực Quản trị kinh doanh	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
5	KTO	308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	x				1. TS. Vũ Thị Thanh Thủy 2. TS. Lương Thị Huyền 3. TS. Ngô Thị Minh	Tài chính- Ngân hàng Tài chính- Ngân hàng Tài chính- Ngân hàng	Trường ĐHLĐ-XH
3.2	<i>Các môn tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau)</i>			12							
1	KTO	309	Hệ thống thông tin kế toán nâng cao	3			x		1. PGS.TS. Bùi Thị Ngọc 2. TS. Trần Thị Dự 3. TS. Tạ Thị Thúy Hằng 4. TS. Ngô Quang Hùng	Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
2	KTO	310	Tổ chức kế toán nâng cao	3			x		1. TS. Lê Thị Thanh Hương 2. TS. Trần Thị Dự 3. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh 4. TS. Đỗ Đức Tài	Kế toán Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
3	KTO	311	Kiểm toán nội bộ	3			x		1. TS. Đào Mạnh Huy 2. TS. Nguyễn Thị Nga 3. TS. Trần Thị Hương	Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
4	KTO	312	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3			x		1. TS. Đào Mạnh Huy 2. TS. Trần Thị Hương 3. TS. Nguyễn Thị Nga	Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
5	KTO	307	Kế toán quản trị nâng cao	3			x		1. PGS.TS. Lê Thị Tú Oanh 2. TS. Tô Thị Ngọc Lan 3. TS. Trần Anh Quang 4. TS. Nguyễn Quốc Hưng	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
6	KTO	314	Kế toán thuế nâng cao	3			x		1. PGS.TS. Lê Thị Tú Oanh 2. TS. Tô Thị Ngọc Lan 3. TS. Trần Anh Quang	Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH
7	KTO	315	Phân tích báo cáo tài chính nâng cao	3			x		1. TS. Vũ Thị Thanh Thủy 2. TS. Lương Thị Huyền 3. TS. Ngô Thị Minh	Tài chính- Ngân hàng Tài chính- Ngân hàng Tài chính- Ngân hàng	Trường ĐHLĐ-XH
8	KTO	316	Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao	3			x		1. TS. Phan Thị Thu Mai 2. TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
IV.	THỰC TẬP (KTO.417)			6				x	1. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh 2. TS. Đào Mạnh Huy 3. PGS, TS. Bùi Thị Ngọc 4. PGS, TS. Lê Thị Tú Oanh 5. TS. Phan Thị Thu Mai 6. TS. Nguyễn Thị Thanh Nga 7. TS. Lê Thị Thanh Hương 8. TS. Tô Thị Ngọc Lan 9. TS. Trần Thị Dự 10. TS. Trần Thị Hương 11. TS. Đỗ Đức Tài 12. TS. Nguyễn Thị Nga 13. TS. Ngô Quang Hùng 14. TS. Hoàng Khánh Vân 15. TS. Tạ Thị Thúy Hằng	Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
									16. TS. Trần Anh Quang 17. TS. Nguyễn Quốc Hưng 18. TS. Vũ Thị Thanh Thủy	Kế toán Kế toán Tài chính- Ngân hàng	
V.	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (KTO.518)			9				x	1. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh 2. TS. Đào Mạnh Huy 3. PGS, TS. Bùi Thị Ngọc 4. PGS, TS. Lê Thị Tú Oanh 5. TS. Phan Thị Thu Mai 6. TS. Nguyễn Thị Thanh Nga 7. TS. Lê Thị Thanh Hương 8. TS. Tô Thị Ngọc Lan 9. TS. Trần Thị Dự 10. TS. Trần Thị Hương 11. TS. Đỗ Đức Tài 12. TS. Nguyễn Thị Nga 13. TS. Ngô Quang Hùng	Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Quản trị kinh doanh Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán	Trường ĐHLĐ-XH

STT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
									14. TS. Hoàng Khánh Vân 15. TS. Tạ Thị Thúy Hằng 16. TS. Trần Anh Quang 17. TS. Nguyễn Quốc Hưng 18. TS. Vũ Thị Thanh Thủy	Kế toán Kế toán Kế toán Kế toán Tài chính- Ngân hàng	
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV+V)				60							

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC
PHILOSOPHY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLDXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Triết học; **Mã học phần:** TRH.101
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Philosophy
3. **Số tín chỉ:** 04 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

T T	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Giáng Hương	0912.349.129	gianghuongnguyen75@yahoo.com.vn
2	TS. Đoàn Thị Thu Hà	0912.274.257	hadoan5@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1: Khái luận về triết học*) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận*); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người*).

8. Nhiệm vụ của học viên:

- Tập trung nghe giảng và tham gia thuyết trình, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành một bài kiểm tra giữa kỳ.

- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1] *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)* (2007), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo - *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)* (2006), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[3] PGS. TS Phạm Công Nhất – PGS. TS Đoàn Thị Minh Oanh (chủ biên): *Giáo trình Triết học*.

[4] Nguyễn Hữu Vui (2008), *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Nguyễn Thế Nghĩa (2007), *Những chuyên đề triết học*, Nxb. Khoa học Xã hội.

[6] Nguyễn Thế Kiệt (2009), *Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[7] *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (1999), Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.

[8] *Tập bài giảng triết học Mác-Lênin* (2000), Tập I, tập II Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện Hà Nội, Khoa Triết học, Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9] Nguyễn Thế Kiệt (2009), *Triết học Mác – Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia.

[10] *Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học và Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

[11] Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6

$$\text{ĐMH} = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$$

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái luận của triết học	[1], [2], [3] [5], [6], [8] [9]	11	11		22
2	Chương 2. Bản thể luận	[1], [3], [4] [6], [10], [11]	7	7		14
3	Chương 3. Phép biện chứng	[1], [3], [5] [6], [8]	9	9		18
4	Chương 4. Nhận thức luận	[1], [2], [4] [6], [7]	6	6		12
5	Kiểm tra		1		1	2
6	Chương 5. Học thuyết hình thái Kinh tế - Xã hội	[1], [3], [6], [7]	10	10		20

7	Chương 6. Triết học chính trị	[1], [4] [5], [7], [8]	6	6		12
8	Chương 7. Ý thức xã hội	[1] [5], [7]	6	6		12
9	Chương 8. Triết học về con người	[1], [3] [5], [7],	4	4		8
	Tổng số		60	59	1	120

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1.1. Triết học và đối tượng của triết học.

- Tính tất yếu và những điều kiện ra đời của triết học.
- Các cách tiếp cận và các quan niệm khác nhau về “triết học” trong lịch sử.
- Quan niệm đương đại về triết học và triết lý.
- Vấn đề đối tượng của triết học.

1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

- Vấn đề cơ bản của triết học (mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại; tinh thần và tự nhiên).
- Chức năng cơ bản của triết học (thế giới quan, phương pháp luận, giá trị luận và các chức năng khác).

1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và nhu cầu phát triển của thực tiễn xã hội.
- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.
- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng triết học cơ bản - chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.
- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai phương pháp nhận thức trong lịch sử - phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.
- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại phụ thuộc vào sự kế thừa và phát triển các tư tưởng triết học trong tiến trình lịch sử.

- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự liên hệ, ảnh hưởng, kế thừa, kết hợp giữa các học thuyết triết học trong mối quan hệ dân tộc và quốc tế.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào mối quan hệ với các hình thái tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...

1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

- Khái niệm triết học phương Đông và các đặc điểm cơ bản của nó.
- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.
- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Đông.

1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

- Khái niệm triết học phương Tây.
- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.
- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Tây.

1.2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

- Điều kiện lịch sử của sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

- Những giá trị của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

1.3.1. Triết học Mác – Lênin.

- Khái niệm triết học Mác – Lênin.
- Đối tượng của triết học Mác – Lênin.
- Chức năng nhận thức và thực tiễn của triết học Mác – Lênin.
- Những đặc trưng chủ yếu của triết học Mác-Lênin.

1.3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

- Triết học Mác – Lênin trong sự phát triển của lịch sử triết học nhân loại.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin trong chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của khoa học và khoa học xã hội – nhân văn.

1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

- Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

CHƯƠNG 2. BẢN THỂ LUẬN

2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

2.1.1 Khái niệm bản thể luận.

- Nguyên nghĩa của khái niệm bản thể luận.
- Bản thể luận theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.
- Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và nhận thức luận. Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và vũ trụ luận.
- Quan điểm nhất nguyên (duy vật, duy tâm) và quan điểm nhị nguyên trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận.
- Vị trí của vấn đề bản thể luận trong triết học và ý nghĩa của nó.

2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

- Bản thể luận trong triết học của Đạo Phật.
- Bản thể luận trong triết học của Âm – Dương gia.
- Bản thể luận trong triết học của Đạo gia.
- Bản thể luận trong triết học của Nho gia.

2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

- Bản thể luận của triết học Hy Lạp cổ đại (trọng tâm: Lý luận về bản thể của Đêmocrit, học thuyết về Ý niệm của Platon và học thuyết về 4 nguyên nhân của Aristot).
- Bản thể luận của triết học phương Tây trung đại (trọng tâm: Luận lý về 5 con đường luận chứng của Tôma Đacanh).
- Bản thể luận của triết học nước Anh và Pháp cận đại (trọng tâm: Nhất nguyên luận duy vật của Ph.Bêcơn và Nhị nguyên luận trong siêu hình học của R.Đềcátơ).
- Bản thể luận duy tâm của triết học Đức cận đại (trọng tâm: Bản thể luận của I. Kant và G.Hêghen).
- Bản thể luận trong triết học phương Tây đương đại (trọng tâm: Lý luận về “tồn tại của vật tồn tại” (being of existence) của Heidegger).

2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

- Những hạn chế của các cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học trước Mác và nhu cầu xác lập cách tiếp cận mới.
- Cách tiếp cận mới của triết học Mác-Lênin (trọng tâm: Quan điểm của Ph.Ăngghen về cách tiếp cận mới đối với việc giải quyết vấn đề về bản chất, nguồn gốc và tính thống nhất của mọi tồn tại trong thế giới theo lập trường duy vật hiện đại: tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó; phương pháp tiếp cận của V.I Lênin trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận triết học và sự thống nhất giữa phương pháp tiếp cận của Lênin với phương pháp tiếp cận của Ăngghen).

2.2.2. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

- V.I Lênin định nghĩa khái niệm “vật chất” với tư cách là “phạm trù triết học” và các nội dung cơ bản của định nghĩa.

- Sự thống nhất giữa bản thể luận và nhận thức luận trong định nghĩa vật chất của Lênin và ý nghĩa của nó.

- Các hình thức cơ bản của tồn tại vật chất và các phương thức vận động của vật chất.

- Những thành tựu mới trong nghiên cứu về vật chất.

2.2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

- Khái niệm ý thức và nguồn gốc vật chất của ý thức.

- Bản chất phản ánh năng động sáng tạo của ý thức.

- Kết cấu và chức năng của ý thức.

- Những thành tựu nghiên cứu mới về ý thức.

2.2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

- Tính quyết định của vật chất đối với ý thức.

- Vai trò của ý thức đối với vật chất.

2.3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

- Khái niệm khách quan, chủ quan – Sự đồng nhất và khác biệt giữa hai cặp phạm trù khách quan, chủ quan với vật chất và ý thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan.

2.3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

- Nội dung của nguyên tắc.

- Yêu cầu của nguyên tắc.

2.3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Về phương pháp “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật...” trong đánh giá tình hình.

- Về bài học “Tôn trọng quy luật khách quan...” trong quá trình đổi mới.

- Về khắc phục bảo thủ, trì trệ và chủ quan, duy ý chí trong đổi mới toàn diện xã hội.

CHƯƠNG 3. PHÉP BIỆN CHỨNG

3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

- Lịch sử khái niệm “biện chứng” và khái niệm “siêu hình”.

- Phép biện chứng “tự phát” (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.

- Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).

- Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.

3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

- Nguyên lý mối liên hệ phổ biến.
 - + Tính khách quan, phổ biến của mối liên hệ. Phân biệt giữa "liên hệ" và "quan hệ".
 - + Tính phong phú nhiều vẻ của các kiểu liên hệ trong tự nhiên và xã hội.
 - + Về các mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật.
- Nguyên lý phát triển.
 - + Phát triển và vận động; phát triển và tăng trưởng.
 - + Nội dung nguyên lý phát triển của phép biện chứng duy vật.
 - + Sự phát triển trong xã hội: tiến bộ và thoái bộ lịch sử.
- Ý nghĩa phương pháp luận.

3.2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

- Hệ thống phạm trù và quy luật trong phép biện chứng duy vật.
 - + Phép biện chứng duy vật với tính cách sự phản ánh tính biện chứng khách quan của hiện thực. Mối quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.
 - + Quan niệm về phạm trù trong phép biện chứng duy vật. Phạm trù là hình thức phản ánh phổ biến về hiện thực và nấc thang phát triển của nhận thức.
 - + Quan niệm về quy luật trong phép biện chứng duy vật. Quy luật và tính quy luật, phân loại quy luật.
 - + Tương quan giữa các phạm trù và các quy luật cơ bản của phép biện chứng.
- Quan điểm của V.I Lênin về các yếu tố của phép biện chứng duy vật.
 - + Phép biện chứng duy vật với tính cách là một hệ thống và sự vận động theo quy luật biện chứng.
- Các quy luật cơ bản của phép biện chứng
 - Vị trí và nội dung cơ bản của các quy luật:
 - + Những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận.
 - + Thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. Ý nghĩa phương pháp luận.
 - + Phủ định của phủ định. Ý nghĩa phương pháp luận.
- Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng

Vị trí và nội dung cơ bản của mối quan hệ biện chứng giữa: cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, tất nhiên và ngẫu nhiên, khả năng và hiện thực, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng. Ý nghĩa phương pháp luận.

3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật.

- Nguyên tắc toàn diện trong nhận thức và thực tiễn (nội dung và yêu cầu).
- Nguyên tắc phát triển và phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể (nội dung và yêu cầu).
- Nguyên tắc lịch sử - cụ thể và phương pháp thống nhất lịch sử - lôgic (nội dung và yêu cầu).

3.3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc khái quát lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

CHƯƠNG 4. NHẬN THỨC LUẬN

4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

- + Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm".
- + Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.
- + Đối tượng của nhận thức.
- + Nguồn gốc, bản chất của nhận thức.
- + Mục đích, nội dung của nhận thức.
- + Về khả năng của nhận thức: chủ nghĩa khả tri, chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa bất khả tri.
- + Sự đa dạng và thống nhất các kiểu tri thức.

4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

- + Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức duy vật biện chứng.
- + Phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan - nguyên tắc nền tảng của nhận thức.
- + Đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

4.2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

- + Sự phản ánh trực quan về hiện thực: đặc điểm; các hình thức của nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác, biểu tượng); vai trò của chúng trong nhận thức.
- + Tư duy trừu tượng: đặc điểm; các hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh), vai trò của chúng trong nhận thức.
- + Mối quan hệ, sự chuyển hoá từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính. Lôgic của nhận thức. Sự thống nhất giữa quan niệm "đi từ trừu tượng đến cụ thể" (của C.Mác) và quan niệm "đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng" (của V. I. Lênin).

4.2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

+ Mâu thuẫn biện chứng và sự giải quyết mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Lượng - chất và sự chuyển hoá giữa lượng và chất trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Phủ định biện chứng và sự phủ định biện chứng trong quá trình phát triển của nhận thức.

4.2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

+ Khái niệm chân lý; sự đối lập giữa chân lý và sai lầm; tiêu chuẩn của chân lý.

+ Tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý; chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối.

+ Tính cụ thể của chân lý.

4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

- Tính đặc thù của nhận thức xã hội.

- Những phạm trù cơ bản của nhận thức xã hội (hệ tư tưởng; các khoa học xã hội, các khoa học - nhân văn...).

- Vai trò của nhận thức xã hội.

- Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.

+ Các trình độ phát triển của nhận thức khoa học: quan sát và thí nghiệm, dữ kiện và trừu tượng khoa học, mô tả và giải thích, giả thuyết và lý thuyết, dự báo khoa học.

+ Các đặc điểm của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

+ Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Nội dung của nguyên tắc.

- Một số quan niệm trong lịch sử triết học về mối quan hệ lý luận và thực tiễn.

- Các khái niệm cơ bản: Lý luận, lý luận khoa học xã hội, lý luận Mác – Lênin; khái niệm thực tiễn, thực tiễn với tính cách là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, là mắt khâu quan trọng của quá trình nhận thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.

+ Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức lý luận.

+ Vai trò của lý luận đối với thực tiễn.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành, giữa lý thuyết, lý luận và thực tế.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- Sự tụt hậu và tách rời giữa thực tiễn và lý luận - hậu quả và nguyên nhân.

- Những phương hướng cơ bản nhằm vận dụng đúng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn.

+ Đối với hoạt động lý luận (các nhà khoa học, các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước): lý luận phải luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn; khắc phục bệnh giáo điều.

+ Đối với hoạt động thực tiễn (các chủ thể vận dụng lý luận – đường lối chính sách): hoạt động thực tiễn phải có sự chỉ đạo của lý luận, vận dụng lý luận phải phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể; khắc phục bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa.

+ Vấn đề tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI

5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

- Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.

5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

- Khái niệm xã hội và khái quát quá trình phát triển của xã hội.

- Vai trò của sản xuất vật chất.

+ Sự sản xuất xã hội và ba quá trình sản xuất của xã hội.

+ Vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội.

+ Ý nghĩa phương pháp luận.

- Vai trò của phương thức sản xuất.

+ Khái niệm phương thức sản xuất và tính thống nhất giữa phương thức tổ chức kinh tế với phương thức kỹ thuật – công nghệ của quá trình sản xuất.

+ Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất của xã hội.

+ Khuynh hướng phát triển khách quan của các phương thức sản xuất trong lịch sử nhân loại – nhân tố quyết định sự phát triển của các nền văn minh và tiến bộ xã hội.

+ Ý nghĩa phương pháp luận chung.

b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (các mặt, các yếu tố cấu thành, vai trò, đặc điểm trong xã hội công nghiệp và trong nền kinh tế thị trường hiện đại).

- Mỗi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình vận động, phát triển của phương thức sản xuất. Ý nghĩa phương pháp luận.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

- Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng (kết cấu cơ bản và vai trò của các yếu tố).

- Mỗi quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong quá trình vận động, phát triển của xã hội. Biện chứng giữa kinh tế và chính trị.

- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

- Kết cấu cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội.

- Tính quy luật khách quan của quá trình vận động, phát triển xã hội.

- Vai trò của các nhân tố chủ quan đối với tiến trình vận động, phát triển xã hội.

- Về khả năng và các điều kiện “bỏ qua” một số hình thái kinh tế-xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội.

- Những giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.

5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

- Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tính tất yếu, khả năng và những điều kiện (khách quan, chủ quan) của sự lựa chọn con đường định hướng phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thực chất của sự “phát triển rút ngắn” con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Mục tiêu tổng quát và những định hướng lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa, phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ; kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ...)

b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- Xác định vị trí của chiến lược phát triển kinh tế trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Các nội dung cơ bản của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các nhiệm vụ cơ bản của phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020.

CHƯƠNG 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ

6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

a) Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

- Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học trước Mác.
 - + Quan niệm về chính trị trong triết học Ấn Độ cổ, trung đại.
 - + Quan niệm về chính trị trong triết học Trung Quốc cổ, trung đại.
 - + Quan niệm về chính trị trong triết học Hy Lạp, La Mã cổ đại.
 - + Quan niệm về chính trị trong triết học phương Tây thời trung, cận đại.
- Các quan niệm của triết học đương đại về chính trị.
 - + Các lý thuyết đương đại về chính trị.
 - + Về triết học chính trị và chính trị học (nghĩa rộng và nghĩa hẹp).

b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

- + Các tiền đề hình thành quan niệm về chính trị trong triết học Mác.
- + Định nghĩa về chính trị của Lênin.
- + Các đặc trưng cơ bản của chính trị (bản chất, quyền lực và sự tha hóa quyền lực, động lực,...).

c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

- Sự phát triển từ quan điểm Mác-Lênin về chuyên chính vô sản đến quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.
 - + Quan niệm Mác - Lênin về chuyên chính vô sản (định nghĩa, bản chất, nội dung...).
 - + Hệ thống chính trị - cấu trúc chính trị phổ biến trong xã hội hiện đại (định nghĩa hệ thống chính trị; kết cấu; các đặc trưng của hệ thống chính trị).
- Hệ thống chính trị của xã hội tư bản và hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa.

6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

- Các quan điểm triết học ngoài Mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- Nguồn gốc và bản chất giai cấp.
- Đấu tranh giai cấp trong lịch sử (tính tất yếu, nội dung, hình thức, vai trò)
- Cách mạng xã hội – hình thức phát triển cao nhất của đấu tranh giai cấp.
- Đặc thù của vấn đề giai cấp ở Việt Nam.

b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

- Dân tộc - Hình thức cộng đồng người cao nhất và phổ biến nhất trong lịch sử.
- Quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại.
- Đặc thù của vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

- Các quan điểm triết học ngoài mácxít về nhà nước.
- Nguồn gốc, bản chất nhà nước.
- Đặc trưng, chức năng của nhà nước.
- Các kiểu và hình thức nhà nước.
- Nhà nước TBCN và Nhà nước XHCN.
- Đặc thù của Nhà nước Việt Nam trong lịch sử và hiện đại.

6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

- Quan niệm về dân chủ (trong triết học phi mácxít và triết học Mác-Lênin).
- Những phát triển mới trong nhận thức về dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ chế độ làm chủ tập thể đến dân chủ XHCN).
- Thực chất của phát huy dân chủ XHCN. Mục tiêu, nội dung và các điều kiện để phát huy dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

- Nhận thức mới của Đảng ta về hệ thống chính trị XHCN (Từ hệ thống chuyên chính vô sản đến hệ thống chính trị XHCN) – Kết cấu; vai trò.
- Quan niệm về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay - Thực chất, mục tiêu, nội dung cơ bản.

c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

- Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là thành quả của nền văn minh nhân loại. Các cách tiếp cận; những đặc trưng cơ bản.
- Quan điểm về nhà nước pháp quyền XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là kết quả của một quá trình nhận thức và khảo nghiệm trong thực tiễn đổi mới của Đảng ta.
- Quan niệm của Đảng ta về nhà nước pháp quyền XHCN – những đặc trưng cơ bản - Kết quả kế thừa và phát triển quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn.
- Phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam.

d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của phát huy dân chủ đối với sự phát triển khoa học xã hội và nhân văn.
- Vai trò của đổi mới hệ thống chính trị đối với việc đổi mới tổ chức, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.
- Vai trò của vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đối với việc phát huy vai trò của khoa học xã hội và nhân văn trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

CHƯƠNG 7. Ý THỨC XÃ HỘI

7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

- Khái niệm tồn tại xã hội.
- Các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội và vai trò quyết định của phương thức sản xuất trong tồn tại xã hội.

b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

- Khái niệm ý thức xã hội.
- Kết cấu cơ bản của ý thức xã hội (hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội và các hình thái cơ bản của ý thức xã hội).

7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

- Tồn tại xã hội quyết định sự ra đời, bản chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định tính chất của ý thức xã hội.
- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội.
- Phương thức sản xuất vật chất quyết định phương thức sản xuất đời sống tinh thần của xã hội.

b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.

7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

b) Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

- Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.
- Phát huy tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.
- Kế thừa và phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Tiếp thu và phát huy các giá trị tư tưởng tiến bộ của nhân loại
- Khắc phục những hạn chế và tác động tiêu cực của tư tưởng, tâm lý tiểu nông trong sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

CHƯƠNG 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI

8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

a) Triết học phương Đông

- Về nguồn gốc con người theo quan điểm duy tâm, duy vật mộc mạc, tôn giáo.
- Về bản chất con người trong triết lý Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo...

b) Triết học phương Tây trước Mác

- Thời kỳ tiền triết học: Tư tưởng duy tâm, thần bí; tư tưởng duy vật về con người.

- Thời kỳ cổ đại: Quan điểm duy vật chất phác, mộc mạc trong triết học tự nhiên, phái nguyên tử luận ...Quan điểm duy tâm về con người trong tư tưởng triết học của Pitago, Xôcrát, Platôn, Aristotêl ...

- Thời kỳ trung cổ: Quan niệm con người theo quan điểm duy tâm của giáo lý Kitô, Ôguýttxanh, Tômát Đacanh...

- Thời kỳ Phục hưng - Cận đại: Tư tưởng triết học duy vật về con người của Bêcon, Đêcát, Đidrô, Hênvêtyút...

- Triết học cổ điển Đức: Tư tưởng triết học về con người trong triết học Hêghen, Phoiobắc.

c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

Quan niệm về con người trong Triết học nhân bản, Triết học hiện sinh, Chủ nghĩa thực chứng mới, Thuyết nhân bản trong tôn giáo hiện đại, Chủ nghĩa Phrôt và chủ nghĩa Phrôt mới – Những hạn chế và giá trị lịch sử của nó.

8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

a) Khái niệm con người

- Quan niệm con người là thực thể sinh học xã hội.
- Hai mặt, hai yếu tố cơ bản cấu thành con người.
- Về vai trò của con người là chủ thể hoạt động thực tiễn.
- Các quan niệm và cấp độ khác nhau trong tiếp cận về con người: Cá thể, cá nhân, nhân cách...

b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

- Sự hình thành, phát triển con người là một quá trình gắn liền với lịch sử sản xuất vật chất. Lao động là điều kiện chủ yếu quyết định sự hình thành, phát triển của con người. Sáng tạo là thuộc tính tối cao của con người.

- Con người là một chỉnh thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội. Các yếu tố và mối quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội; cơ chế di truyền và hoạt động xã hội của con người.

- Con người tồn tại, phát triển trong môi trường cư trú xã hội- hành tinh- vũ trụ và mang những thuộc tính tự nhiên - sinh học – xã hội.

- *Con người là một thực thể cá nhân - xã hội.* Con người vừa là một chỉnh thể đơn nhất, vừa mang những phẩm chất của hệ thống các quan hệ xã hội.

- *Sự thống nhất biện chứng giữa con người giai cấp và con người nhân loại.* Bản chất xã hội, địa vị kinh tế xã hội và điều kiện sinh hoạt vật chất quy định sự đồng nhất và sự khác biệt giữa tính giai cấp và tính nhân loại của con người.

- *Con người thống nhất biện chứng giữa tất yếu và tự do.* Hoạt động của con người là sự thống nhất biện chứng giữa tự phát và tự giác, giữa tất yếu và tự do.

c) Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

- *Hiện tượng tha hoá của con người.*

+ Quan niệm về tha hoá, nguồn gốc của tha hoá, khắc phục sự tha hoá.

+ Triết học Mác – Lênin với tính cách là lý luận triết học về khắc phục sự tha hoá của con người.

- *Vấn đề giải phóng con người trong Triết học Mác-Lênin.*

Thực chất của triết học Mác – Lênin là học thuyết giải phóng con người, vì sự phát triển toàn diện của con người.

8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

- Quan niệm về con người.

- Về mục tiêu giải phóng con người.

- Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.

8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Quan niệm triết học về nhân tố con người

- Khái niệm nhân tố con người; những đặc trưng xã hội quy định vai trò chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

- Quan niệm về phát huy nhân tố con người.

- Nhân tố con người trong quan hệ với nhân tố xã hội, nguồn lực con người, nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển con người...

b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

- Sự nghiệp đổi mới đặt con người vào vị trí trung tâm - vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển.

- Vấn đề chiến lược con người ở Việt Nam hiện nay.

- Những động lực cơ bản phát huy nhân tố con người trong đổi mới đất nước hiện nay.

+ Lợi ích với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Dân chủ với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Trí tuệ - động lực bên trong của tính tích cực, tự giác, sáng tạo con người. Giáo dục – Đào tạo với vấn đề phát triển trí tuệ và nền tảng thể chất của con người Việt Nam hiện nay.

13. Hướng dẫn thực hiện

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
RESEARCH METHODOLOGY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Phương pháp nghiên cứu khoa học;
Mã học phần: PPN 102
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Research Methodology
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Quang Vĩnh	0978.418.866	Quangvinh191081@gmail.com
2	TS. Ngô Anh Cường	0986.530.345	cuong_tmc@yahoo.com
3	TS. Mai Thị Hường	0983.135.086	<u>mthuongins@gmail.com</u>

6. Mục tiêu của học phần

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho học viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện được một nghiên cứu khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp.

- *Kiến thức:*

- + Mô tả được các bước thực hiện thành công một đề tài khoa học.
- + Trình bày được tổng quan tài liệu, câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng phạm vi nghiên cứu.
- + Trình bày được cách thức thu thập số liệu sơ cấp, thứ cấp để phục vụ đề tài.
- + Xác định được qui trình nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và các biến trong nghiên cứu.
- + Biết thiết kế thang đo và sử dụng công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu phù hợp với từng nội dung nghiên cứu.

+ Hiểu được các bước xây dựng một đề cương nghiên cứu và cách thức trình bày một luận văn thạc sĩ hoặc đề tài nghiên cứu khoa học.

- *Kỹ năng:*

- + Phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế và xã hội.
- + Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích và ra quyết định.
- + Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán.
- + Thiết lập câu hỏi điều tra và Kỹ năng khảo sát và thu thập dữ liệu.
- + Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu và thuyết trình trước đám đông.

- *Thái độ:*

+ Nâng cao ý thức tự giác, trung thực và độc lập trong nghiên cứu, có sự tự tin trong việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề.

+ Có tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng, xã hội. Tôn trọng pháp luật, qui định của tổ chức nơi mình học và làm việc, chấp hành chủ trương, chính sách của nhà nước.

+ Chấp hành nội qui, qui định, kỷ luật lao động nơi công sở, hiếu và tôn trọng, giữ gìn văn hóa tổ chức, có tác phong công nghiệp.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc trước các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Tập trung nghe giảng và tham gia thuyết trình, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên đối với bài tập thực hành theo nhóm và bài tập cá nhân.
- Cài đặt các phần mềm vào máy tính cá nhân phục vụ phân tích dữ liệu: SPSS, PLS-SEM...

- Hoàn thành một bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Bài giảng Phương pháp nghiên cứu, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Lao động – Xã Hội.

[2]. Nguyễn Đình Thọ, Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Nhà xuất bản Tài chính.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. Dahlia K. Remler, Gregg G. Van Ryzin, *Research Methods in Practice Strategies for Description and Causation*, NXB SAGE Publications, Inc, 2014.

[4] by Robert Cavana, Brian L. Delahaye, Uma Sekaran, *Applied Business Research*, John Wiley & Sons Inc (August 20, 2001).

[5] Lai Wen Shiang, Nguyen Quang Vinh, An Application of AHP Approach to Investigate Tourism Promotional Effectiveness, *Tourism and Hospitality Management*, Vol.19 (1), pp. 1-22 (2013).

[6] Nguyen Quang Vinh (2017) Ứng dụng phương pháp AHP mờ (FAHP) trong xếp hạng thứ tự các yếu tố chủ yếu dẫn đến thành công trong khởi nghiệp.

[7] Lai Wen Shiang, Nguyen Quang Vinh, A Study of Analyzing the Selection of Promotion Activities and Destination attributes in Tourism Industry in Vietnam (2012).

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về nghiên cứu khoa học	[1], [2], [3].	3	3		6
2	Chương 2. Cơ sở lý luận và phát triển khung nghiên cứu	[1], [2], [3], [4]	3	3	1	8
3	Chương 3. Nghiên cứu định tính	[1], [2], [7]	4	4		8
4	Chương 4. Nghiên cứu định lượng	[1], [2], [4]	4	4		8
5	Chương 5. Xử lý và phân tích số liệu	[1], [2], [4]	5	5		10
6	Chương 6. Một số Phương pháp phân tích định lượng	[4], [5], [6]	5	5	1	12
7	Chương 7 Viết và trình bày nghiên cứu	[1], [2], [4]	4	4		8
	Tổng số		30	28	2	60

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1.1. Các khái niệm Nghiên cứu khoa học

1.1.1 Phương pháp nghiên cứu khoa học

1.2. Phân loại nghiên cứu khoa học

- 1.2.1. Nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản
- 1.2.2. Nghiên cứu diễn dịch và quy nạp
- 1.2.3. Nghiên cứu định tính và định lượng
- 1.2.4. Nghiên cứu thực chứng, nghiên cứu giải thích và nghiên cứu phê phán

1.3. Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu

- 1.3.1. Xác định vấn đề nghiên cứu
- 1.3.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu
- 1.3.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài

1.4. Trình tự của nghiên cứu khoa học

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁT TRIỂN KHUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận (tổng quan nghiên cứu)

- 2.1.2. Khái niệm
- 2.2.1. Tài liệu và trích dẫn tài liệu

2.2. Phát triển khung lý thuyết và xây dựng giả thuyết nghiên cứu

- 2.2.1. Khung lý thuyết
- 2.2.2. Giả thuyết nghiên cứu

CHƯƠNG 3. NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH

3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định tính

- 3.1.1. Khái niệm
- 3.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định tính
- 3.1.3. Vai trò của nghiên cứu định tính

3.2. Công cụ nghiên cứu định tính

- 3.2.1. Phỏng vấn
- 3.2.2. Thảo luận nhóm
- 3.2.3. Phương pháp quan sát

3.3. Chọn mẫu cho nghiên cứu định tính

- 3.3.1. Lựa chọn thực địa
- 3.3.2. Lựa chọn đối tượng

3.4. Phân tích và xử lý thông tin trong nghiên cứu định tính

- 3.4.1. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu định tính
- 3.4.2. Thời điểm và quy trình tiến hành phân tích
- 3.4.3. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ

3.5. Một số phương pháp nghiên cứu định tính

- 3.5.1. Phương pháp Hệ thống ra quyết định (Decision system analysis -DSA)
- 3.5.2. Phương pháp câu chuyện kể của khách hàng (Consumer story telling – CST)

3.5.3. Phương pháp Phân tích so sánh định tính (Qualitative Comparative Analysis - QCA)

CHƯƠNG 4. NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG

4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định lượng

4.1.1. Khái niệm nghiên cứu định lượng

4.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định lượng

4.1.3. Vai trò nghiên cứu định lượng

4.2. Phương pháp chọn mẫu

4.2.1. Tổng thể và mẫu

4.2.2. Tổng điều tra và điều tra mẫu

4.2.3. Khung chọn mẫu

4.2.4. Một số phương pháp lấy mẫu

4.2.5. Kích thước mẫu

4.3. Các công cụ thu thập số liệu

4.3.1. Thiết kế Bảng khảo sát

4.3.2. Các loại thang đo

4.3.3. Cấu trúc của bảng hỏi

CHƯƠNG 5. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

5.1. Thống kê mô tả

5.1.1. Các giá trị đặc trưng của một mẫu

5.1.2. Một số loại thống kê mô tả

5.2. Thống kê so sánh

5.2.1. Kiểm định T (T-test)

5.2.2. Kiểm định ANOVA

5.3. Thống kê suy luận

5.3.1. Phân tích độ tin cậy

5.3.2. Phân tích nhân tố khám phá

5.3.3. Phân tích hệ số tương quan

5.3.4. Phân tích hồi quy

CHƯƠNG 6. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH DOANH

1.1. Phương pháp cấu trúc tuyến tính (structure equation modeling – SEM)

1.1.1. Các khái niệm

1.1.2. Các bước phân tích

1.1.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

1.2. Phương pháp PLS-SEM

1.2.1. Các khái niệm

1.2.2. Các bước phân tích

1.2.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

1.3. Phương pháp cấu trúc phân tầng (Analytical hierarchy process - AHP)

1.3.1. Các khái niệm

1.3.2. Các bước phân tích

1.3.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả

1.4. Phương pháp Fuzzy – AHP, Fuzzy TOPIS, Fuzzy Logic

1.4.1. Các khái niệm

1.4.2. Các bước phân tích

1.4.3. Diễn giải kết quả

CHƯƠNG 7. VIẾT VÀ TRÌNH BÀY KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

7.1. Đề cương nghiên cứu (đề xuất nghiên cứu)

7.2. Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Trình bày nội dung nghiên cứu

7.4. Thuyết trình nghiên cứu

7.5. Một số lưu ý khi đăng bài tạp chí

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị, slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế, phần mềm SPSS, PLS-SEM.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾ TOÁN
ACCOUNTING THEORY

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Lý thuyết kế toán **Mã học phần:** KTO 201
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Accounting Theory
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Học phần tiên quyết (nếu có):** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Phan Thị Thu Mai	0983.394.714	phanmai76@gmail.com
2	TS. Hoàng Khánh Vân	0904.411.356	vanhk212@yahoo.com
3	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	0934.306.092	ngantt1409@gmail.com

6. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu để nắm rõ bản chất, vai trò, sự hình thành và phát triển của các học thuyết kế toán, và các nghiên cứu trong kế toán. Bởi tính phức tạp và sự thay đổi không ngừng trên thế giới nên không có một học thuyết kế toán hoàn hảo. Do vậy học phần tập chung nghiên cứu các học thuyết kế toán hiện có; cơ sở phương pháp luận của chúng; một số ứng dụng trong các lĩnh vực cụ thể.

7. Mục tiêu của học phần

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu để nắm rõ bản chất, vai trò, sự hình thành và phát triển của các lý thuyết kế toán; các nghiên cứu trong kế toán như: khuôn khổ khái niệm cho hoạt động báo cáo tài chính, lý thuyết kế toán thực chứng, lý thuyết kế toán chuẩn tắc; ứng dụng thuyết kế toán trong một số lĩnh vực.

- Giúp người học phát triển khả năng xác định, đánh giá và giải quyết các vấn đề gặp phải trong kế toán trên nền tảng các khái niệm và nghiên cứu kế toán đã có.

- Giúp cho người học nhìn nhận sâu sắc hơn về nghề nghiệp kế toán, tư duy phản biện và có cái nhìn đa chiều đối với từng hiện tượng trong kế toán để có thể tiếp nhận và hiểu được sự khác biệt trong thực hành kế toán.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia lớp học theo quy định.

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- [1] Craig Deegan (2000), “Financial Accounting Theory”; NXB McGraw – Hill.
- [2] Craig Deegan (2010), Giáo trình “Australian Financial Accounting” tái bản lần thứ 6; Nhà xuất bản McGraw – Hill.
- [3] Godfrey (2006), Giáo trình “Accounting theory” tái bản lần thứ 6; Nhà xuất bản Wiley
- [4] Henderson S, Peirson G (2002), Những vấn đề trong kế toán tài chính, tái bản lần thứ 10; NXB Longman Cheshire.
- [5] Jayne Godfrey, Allan Hodgson, Scott Holmes. NXB John Wiley & Sons, “Accounting theory”.
- [6] Ross L. Watts, Jerord L. Zimmerman (1986), “Positive Accounting Theory”; NXB Prentice-Hall.
- [7] William R. Scott. NXB Prentice-Hall (2006), “Financial Accounting Theory” tái bản lần thứ 4.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- Phương pháp đánh giá học phần

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần ©	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1: Bản chất của học thuyết (lý thuyết) kế toán	[1], [2], [3]	3	3		6
2	Chương 2: Đo lường trong kế toán	[1], [2], [4]	4	4		8
3	Chương 3: Khuôn khổ khái niệm cho hoạt động Báo cáo tài chính	[1], [2], [4]	7	7		14
4	Chương 4: Lý thuyết kế toán chuẩn tắc	[1], [2], [3]	7	7		14
5	Chương 5: Lý thuyết kế toán thực chứng	[1], [2], [3], [4]	7	7		14
6	Chương 6: Vận dụng lý thuyết kế toán trong một số lĩnh vực	[1], [2], [3], [4]	15	15		30
7	Kiểm tra học phần		2		2	4
	Tổng số		45	43	2	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA LÝ THUYẾT KẾ TOÁN

1.1. Lý thuyết (học thuyết)

1.1.1 Khái niệm học thuyết

1.2.1 Xây dựng một học thuyết

1.2. Lý thuyết kế toán (học thuyết kế toán)

1.2.1. Khái niệm, phân loại học thuyết kế toán

1.2.2. Vai trò của học thuyết kế toán

1.2.3. Các bộ phận của một học thuyết kế toán

1.2.4. Các phương pháp xây dựng học thuyết kế toán

1.2.5. Các lợi ích khi nghiên cứu học thuyết kế toán

1.2.6. Mối quan hệ giữa lý thuyết kế toán và thực hành kế toán

CHƯƠNG 2: ĐO LƯỜNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Khái niệm, đặc điểm đo lường giá trị trong kế toán

2.2. Xây dựng cơ sở đo lường trong kế toán

2.2.1. Quan điểm giá trị hiện có

2.2.2. Quan điểm khả năng tạo giá trị.

2.2.3. Quan điểm kết hợp

CHƯƠNG 3: KHUÔN KHỔ KHÁI NIỆM CHO HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.1. Sự cần thiết phải có khuôn khổ khái niệm cho hoạt động BCTC

3.2. Các bộ phận cấu thành khuôn khổ khái niệm

3.4. Các vấn đề thuộc khuôn khổ khái niệm

3.4.1. Mục tiêu của hoạt động BCTC

3.4.2. Đặc tính chất lượng của thông tin tài chính hữu ích

3.4.3. Đối tượng sử dụng thông tin và ảnh hưởng tới thực hành kế toán

3.4.4. Các yếu tố cơ bản của BCTC

3.4.5. Đơn vị báo cáo

3.4.6. Các yếu tố cơ bản của BCTC

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT KẾ TOÁN CHUẨN TẮC

4.1. Kế toán theo giá gốc

4.1.1. Các vấn đề cơ bản của kế toán theo giá gốc

4.1.2. Các ý kiến ủng hộ kế toán theo giá gốc

4.1.3. Các ý kiến phê phán kế toán theo giá gốc

4.2. Kế toán theo giá phí hiện tại

4.2.1. Các vấn đề cơ bản của kế toán theo giá phí hiện tại

4.2.2. Các ý kiến ủng hộ kế toán theo giá phí hiện tại

4.2.3. Các ý kiến phê phán kế toán theo giá phí hiện tại

4.3. Kế toán theo giá thị trường

4.3.1. Các vấn đề cơ bản của kế toán theo giá thị trường

4.3.2. Các ý kiến ủng hộ kế toán theo giá thị trường

4.3.3. Các ý kiến phê phán kế toán theo giá thị trường

CHƯƠNG 5: LÝ THUYẾT KẾ TOÁN THỰC CHỨNG

5.1. Các vấn đề cơ bản về lý thuyết kế toán thực chứng

5.2. Các thuyết cơ bản của lý thuyết kế toán thực chứng

5.2.1. Thuyết đại diện

5.2.2. Thuyết hợp đồng

5.3. Các giả thuyết cơ bản của học thuyết kế toán thực chứng

CHƯƠNG 6: VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KẾ TOÁN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

6.1. Kế toán tài sản sinh học

6.2. Kế toán trong lĩnh vực khai khoáng

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH NÂNG CAO
ADVANCED FINANCIAL ACCOUNTING

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Kế toán tài chính nâng cao; **Mã học phần:** KTO 202
2. **Tên học phần bằng tiếng Anh:** Advanced financial accounting
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS.TS. Bùi Thị Ngọc	0989.077.435	buithingoc.ldxh@gmail.com
2	TS. Lê Thị Thanh Hương	0916.069.959	linhnguyen0700@gmail.com
3	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913.069.668	quynhanh_ulsa@yahoo.com

6. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho học viên những kiến thức về kế toán tài chính liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp như tiền lương, tài sản cố định, 48ang tồn kho, bán 48ang, kết quả kinh doanh, các hoạt động đầu tư tài chính, báo cáo tài chính và các hoạt động khác trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc nền tảng của kế toán để luận giải những vấn đề đang hiện hữu trong thực tiễn. Từ đó, học viên sẽ vận dụng vào việc thiết kế hệ thống kế toán tài chính tại đơn vị mình, đánh giá hệ thống kế toán của đơn vị khác. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và 48ang cao về kế toán trong tập đoàn kinh tế, các giao dịch hợp nhất kinh doanh và lập báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này nghiên cứu các vấn đề của kế toán tài chính, sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật nói chung đến kế toán tài chính. Tiếp đến, học phần đề cập đến những vấn đề của kế toán tài chính trong doanh nghiệp gồm: Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kế toán như kế toán tiền lương, hàng tồn kho và tài sản cố định. Kế toán doanh thu chi phí, kế toán các khoản đầu tư tài chính, lập báo cáo tài chính trên cơ sở vận dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán. Đặc biệt, học phần đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến các nghiệp vụ đặc thù của doanh nghiệp như các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng cũng như sự thay đổi chính sách kế toán

ước tính kế toán và các sai sót. Đối với báo cáo tài chính, học phần tập trung tìm hiểu kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp nhất trong tập đoàn kinh tế.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1]. Đoàn Thị Quỳnh Anh; Lê Thị Thanh Hương (2020), *Giáo trình Kế toán tài chính (Tập 1)*, Nhà xuất bản Lao động – Xã Hội.

[2]. Giáo trình Kế toán tài chính – Đại học Kinh tế quốc dân – NXB tài chính.

[3]. Giáo trình Kế toán tài chính – Học viện tài chính – NXB tài chính.

[4]. Nghiêm Văn Lợi (2011), *Giáo trình Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.

[5]. Nghiêm Văn Lợi (2011), *Bài tập Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính.

[6]. Phan Đức Dũng (2014), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính.

[7]. Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

[8]. Võ Văn Nhị (2015), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

[9]. Timothy J. Sale, Stephen B. Salter, David J. Sharp (2007), *Advances international Accounting*, First edition, Elsevier Ltd, UK.

[10]. Joe B. Hoyle, Thomas F. Schaefer, Timothy S. Douppnik (2001), *Advanced Accounting*, Sixth Edition, McGraw-Hill, USA.

[11]. Robert W. Ingram, Thomas L. Albright (2007), *Financial Accounting: Information for Decisions*, 6th Edition, USA.

[12]. Các quyết định, thông tư của Bộ Tài chính

[13]. Các tạp chí kế toán, tài chính hàng tháng, chuẩn mực kế toán, luật kế toán
<http://ifrsvietnam.vn/tin-tuc/viet-nam-vas-67/chuan-muc-ke-toan-viet-nam-vas-199.html>

www.webketoan.vn

www.mof.gov.vn

www.gdt.gov.vn

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (Tự luận – trắc nghiệm)
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, bài nhóm, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần I	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

+ Loại không đạt:

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung		Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tài liệu	Tổng số	LT	KT
1	Chương 1. Khái quát kế toán tài chính trong doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4]	7	7		14
2	Chương 2. Kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất	[1], [2], [3], [4]	7	7		14
3	Chương 3. Kế toán doanh thu, chi phí	[1], [2], [3], [4]	7	7		14
4	Chương 4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính	[1], [2], [3], [4]	8	7	1	16

5	Chương 5. Kế toán các hoạt động đặc thù	[1], [2], [3], [4]	8	8		16
6	Chương 6. Báo cáo tài chính	[1], [2], [3], [4]	8	8		16
Tổng số			45	44	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Bản chất của kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1. Các quan điểm về kế toán tài chính

1.1.2. Nội dung của kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.2. Các nguyên tắc kế toán cơ bản

1.2.1. Nội dung các nguyên tắc kế toán

1.2.2. Vận dụng các nguyên tắc kế toán trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

1.3. Công nghệ thông tin trong kế toán tài chính

1.3.1. Hệ thống phần mềm kế toán

1.3.2. Thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp trong điều kiện công nghệ 4.0

CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN CÁC YẾU TỐ CỦA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

2.1. Kế toán các khoản phải trả người lao động

2.1.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

2.1.2. Nội dung kế toán các khoản phải trả người lao động

2.1.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

2.2. Kế toán hàng tồn kho

2.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

2.2.2. Nội dung kế toán hàng tồn kho

2.2.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

2.3. Kế toán tài sản cố định

2.3.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

2.3.2. Nội dung kế toán tài sản cố định

2.3.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ

3.1. Kế toán doanh thu

3.1.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

3.1.2. Nội dung kế toán doanh thu

3.1.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

3.2. Kế toán chi phí

3.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

3.2.2. Nội dung kế toán các khoản chi phí

3.2.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Kế toán đầu tư tài chính ngắn hạn

4.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

4.2.2. Nội dung kế toán các khoản chi phí

4.2.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

4.2. Kế toán đầu tư tài chính dài hạn

4.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

4.2.2. Nội dung kế toán các khoản chi phí

4.2.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

4.3 Kế toán dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

4.3.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

4.3.2. Nội dung kế toán các khoản chi phí

4.3.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẶC THÙ

5.1. Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm ẩn

5.1.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

5.1.2. Nhận diện tài sản tiềm ẩn và nợ tiềm ẩn

5.1.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

5.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

5.2.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

5.2.2. Nhận diện các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

5.2.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

5.3 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

5.3.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

5.3.2. Nhận diện các thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán, sai sót

5.3.3. Vận dụng trong thiết kế hệ thống kế toán doanh nghiệp

CHƯƠNG 6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.1 Báo cáo tài chính riêng

6.1.1. Chuẩn mực kế toán áp dụng

6.1.2. Những vấn đề chung về báo cáo tài chính

6.1.3. Vận dụng trong lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp

6.2 Báo cáo tài chính hợp nhất

6.2.1. Khái quát về hợp nhất kinh doanh và tập đoàn kinh tế

6.2.2. Chuẩn mực kế toán áp dụng

6.2.3. Những vấn đề chung về báo cáo tài chính hợp nhất

6.2.4. Vận dụng trong lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LUẬT VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN
LAW AND ACCOUNTING STANDARDS

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

- 1. Tên học phần:** Luật và Chuẩn mực kế toán; **Mã số học phần:** KTO 203
- 2. Tên học phần (tiếng Anh):** Law and accounting standards
- 3. Số tín chỉ:** 03 TC
- 4. Học phần tiên quyết (nếu có):** Không
- 5. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS.TS. Bùi Thị Ngọc	0989.077.435	buithingoc.ldxh@gmail.com
2	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913.069.668	quynhanh_ulsa@yahoo.com
2	TS. Tạ Thị Thuý Hằng	0983.024.118	hangulsa@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

-Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản những lý thuyết và thực tiễn về Luật kế toán, hệ thống Chuẩn mực kế toán quốc tế và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được các quy định trong luật, các văn bản hướng dẫn thi thành để giải quyết các tình huống phát sinh trong công tác kế toán tại doanh nghiệp.

+ Vận dụng các kiến thức trong chuẩn mực kế toán nhằm thực hiện công việc kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán.

+ Áp dụng các kiến thức đã học vào các học phần khác và công việc thực tế.

- Về thái độ:

+ Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong việc nhìn nhận vai trò quan trọng của kế toán khi xử lý các các việc kế toán tại các doanh nghiệp đúng quy định của Luật, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

+ Có ý thức tích lũy kiến thức chuyên môn cho hoạt động nghề nghiệp khi học tập và nghiên cứu.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này nghiên cứu về quy trình ban hành hệ thống pháp luật kế toán, đặc điểm pháp luật kế toán Việt Nam và quốc tế, đồng thời giới thiệu những nội dung khái quát về Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nội dung cơ bản của học phần này sẽ giới thiệu về các chuẩn mực kế toán nền tảng trong ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính như: Chuẩn mực về báo cáo tài chính, chuẩn mực về tài sản, chuẩn mực về doanh thu, chi phí, chuẩn mực về đầu tư tài chính, trên cơ sở so sánh với Chuẩn mực kế toán quốc tế và việc vận dụng các chuẩn mực trong việc xây dựng hệ thống kế toán.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1] Bùi Thị Ngọc, Vũ Thị Kim Anh (2020), Giáo trình Chuẩn mực Kế toán, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

[2] Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015.

[3] Nghị định 02/VBHN-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của luật kế toán.

[4] Ngân hàng Thế giới (2002), Các chuẩn mực kế toán Quốc tế, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5] Các quyết định, thông tư của Bộ Tài chính.

[6] Các tạp chí kế toán, tài chính hàng tháng, chuẩn mực kế toán, luật kế toán.

[7] <http://ifrsvietnam.vn/tin-tuc/viet-nam-vas-67/chuan-muc-ke-toan-viet-nam-vas-199.html>.

[8] www.webketoan.vn

[9] www.mof.gov.vn

[10] www.gdt.gov.vn

[11] IASB, International financial reporting standards (2010), NXB Wiley, Mỹ.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- Phương pháp đánh giá học phần

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần I	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

+ Loại không đạt:

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Hệ thống pháp luật kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	6	6		12
2	Chương 2. Chuẩn mực kế toán về báo cáo tài chính	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	9	9		18
3	Chương 3. Chuẩn mực kế toán về tài sản	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	10	10		20
4	Chương 4. Chuẩn mực kế toán về doanh thu, chi phí	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	6	6		12

5	Chương 5. Chuẩn mực kế toán về hoạt động đầu tư tài chính	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	8	7	1	16
6	Chương 6. Chuẩn mực kế toán khác	[1], [2], [3], [4], [5], [6]	6	6		12
	Tổng số		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: HỆ THỐNG PHÁP LUẬT KẾ TOÁN

1.1. Quy trình ban hành hệ thống pháp luật kế toán

1.1.1. Quy trình ban hành hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam

1.1.2. Quy trình ban hành hệ thống pháp luật kế toán Quốc tế

1.2. Luật kế toán

1.2.1. Đặc điểm, nội dung Luật kế toán Việt Nam

1.2.2. Đặc điểm, nội dung Luật kế toán Quốc Tế

1.3. Chuẩn mực kế toán

1.3.1. Khái niệm, đặc điểm, lợi ích của chuẩn mực kế toán

1.3.2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam

1.3.3. Chuẩn mực kế toán Quốc Tế

1.3.4. Mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quốc tế

CHƯƠNG 2. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực kế toán trình bày báo cáo tài chính (VAS 21)

2.1.1. Khái niệm, bản chất, mục đích của báo cáo tài chính

2.1.2. Nội dung chuẩn mực

2.1.3. Vận dụng chuẩn mực 21 để lập và trình bày báo cáo tài chính

2.1.4. So sánh VAS 21 và IAS 01

2.2. Chuẩn mực kế toán báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VAS 24)

2.2.1. Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2.2. Nội dung chuẩn mực

2.2.3. Vận dụng chuẩn mực 24 để lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ

2.2.4. So sánh VAS 24 và IAS 07

CHƯƠNG 3. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VỀ TÀI SẢN

3.1. Chuẩn mực kế toán 57ang tồn kho (VAS 02)

3.1.1. Các khái niệm liên quan đến 58ang tồn kho

3.1.2. Nội dung chuẩn mực

3.1.3. Vận dụng chuẩn mực 02 để kế toán 58ang tồn kho

3.1.4. So sánh VAS 02 với IAS 02

3.2. Chuẩn mực kế toán tài sản cố định hữu hình (VAS 03)

3.2.1. Khái niệm, đặc điểm tài sản cố định hữu hình

3.2.2. Nội dung chuẩn mực

3.2.3. Vận dụng chuẩn mực 03 để kế toán tài sản cố định hữu hình

3.2.4. So sánh VAS 03 với IAS 16

3.3. Chuẩn mực kế toán tài sản cố định vô hình (VAS 04)

3.3.1. Khái niệm, đặc điểm tài sản cố định vô hình

3.3.2. Nội dung chuẩn mực

3.3.3. Vận dụng chuẩn mực 03 để kế toán tài sản cố định vô hình

3.3.4. So sánh VAS 04 với IAS 38

3.4. Chuẩn mực kế toán bất động sản đầu tư (VAS 05)

3.4.1. Khái niệm liên quan đến bất động sản đầu tư

3.4.2. Nội dung chuẩn mực

3.4.3. Vận dụng chuẩn mực 05 để kế toán bất động sản đầu tư

3.4.4. So sánh VAS 05 với IAS 40

3.5. Chuẩn mực kế toán thuê tài sản (VAS 06)

3.5.1. Khái niệm liên quan đến thuê tài sản

3.5.2. Nội dung chuẩn mực

3.5.3. Vận dụng chuẩn mực 06 để kế toán bất động sản đầu tư

3.5.4. So sánh VAS 06 với IAS 16

CHƯƠNG 4. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ

4.1. Chuẩn mực kế toán doanh thu và thu nhập khác (VAS 14)

4.1.1. Các khái niệm liên quan đến doanh thu và thu nhập

4.1.2. Nội dung chuẩn mực

4.1.3. Vận dụng chuẩn mực 14 để kế toán doanh thu và thu nhập khác

4.1.4. So sánh VAS 14 với IFRS 15

4.2. Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay (VAS 16)

4.2.1. Khái niệm về chi phí đi vay

4.2.2. Nội dung chuẩn mực

4.2.3. Vận dụng chuẩn mực 16 để kế toán chi phí đi vay

4.2.4. So sánh VAS 16 với IAS 23

4.3. Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (VAS 17)

4.3.1. Khái niệm liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp

4.3.2. Nội dung chuẩn mực

4.3.3. Vận dụng chuẩn mực 17 để kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

4.3.4. So sánh VAS 17 với IAS 12

CHƯƠNG 5. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1. Chuẩn mực kế toán đầu tư vào công ty liên kết (VAS 07)

5.1.1. Các khái niệm liên quan đến công ty liên kết

5.1.2. Nội dung chuẩn mực

5.1.3. Vận dụng chuẩn mực 07 để kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết

5.1.4. So sánh VAS 07 với IAS 28

5.2. Chuẩn mực kế toán thông tin về những khoản vốn góp liên doanh (VAS 08)

5.2.1. Khái niệm liên quan đến hoạt động liên doanh

5.2.2. Nội dung chuẩn mực

5.2.3. Vận dụng chuẩn mực 08 để kế toán khoản góp vốn liên doanh

5.2.4. So sánh VAS 08 với IAS 31

5.3. Chuẩn mực kế toán hợp nhất kinh doanh (VAS 11)

5.3.1. Khái niệm liên quan đến hợp nhất kinh doanh

5.3.2. Nội dung chuẩn mực

5.3.3. Vận dụng chuẩn mực 11 để kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh

5.3.4. So sánh VAS 11 với IFRS 3

5.4. Chuẩn mực kế toán báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con (VAS 25)

5.4.1. Khái niệm liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất

5.4.2. Nội dung chuẩn mực

5.4.3. Vận dụng chuẩn mực 25 để lập báo cáo tài chính hợp nhất

5.4.4. So sánh VAS 25 với IAS 27

CHƯƠNG 6. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN KHÁC

6.1. Chuẩn mực kế toán về ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (VAS 10)

6.1.1. Các khái niệm liên quan đến tỷ giá hối đoái

6.1.2. Nội dung chuẩn mực

6.1.3. Vận dụng chuẩn mực 10 để kế toán các giao dịch ngoại tệ

6.1.4. So sánh VAS 10 với IAS 21

6.2. Chuẩn mực kế toán về các khoản dự phòng, tài sản, nợ tiềm 60ang (VAS 18)

6.2.1. Khái niệm liên quan đến dự phòng, tài sản, nợ tiềm 60ang

6.2.2. Nội dung chuẩn mực

6.2.3. Vận dụng chuẩn mực 18 để kế toán dự phòng, tài sản, nợ tiềm 60ang

6.2.4. So sánh VAS 18 với IAS 37

6.3. Chuẩn mực kế toán hợp nhất kinh doanh (VAS 11)

6.3.1. Khái niệm liên quan đến hợp nhất kinh doanh

6.3.2. Nội dung chuẩn mực

6.3.3. Vận dụng chuẩn mực 11 để kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh

6.3.4. So sánh VAS 11 với IFRS 3

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ
MANAGEMENT CONTROL SYSTEMS

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Hệ thống kiểm soát quản trị; **Mã học phần:** KTO 313
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Management Control Systems
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ tên, Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Lê Thị Tú Oanh	0964.176.633	oanhletu@gmail.com
2	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0983.230.582	lantothingoc@gmail.com
3	TS. Trần Anh Quang	0985.509.327	quangktqt@gmail.com
4	TS. Nguyễn Quốc Hưng	0983.455.576	hungthinh99@gmail.com

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Hệ thống kiểm soát quản trị là học phần nâng cao nghiên cứu ảnh hưởng của hệ thống quản trị ảnh hưởng đến các thành viên trong tổ chức trong quá trình thực hiện chiến lược của tổ chức. Các nội dung này liên quan đến cung cấp thông tin quản trị trong dài hạn, được coi như kế toán quản trị chiến lược. Học phần trang bị kiến thức về xây dựng kế hoạch chiến lược nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức, cách thức thực hiện kiểm soát qua các công cụ tài chính và phi tài chính, cách đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận và toàn bộ tổ chức.

7. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên hiểu biết về hệ thống kiểm soát quản trị và ảnh hưởng của nó đến hành vi của các cá nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch và chiến lược kinh doanh nhằm đạt mục tiêu của tổ chức.

Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập.

Nhận thức rõ về vai trò của thông tin kế toán quản trị trong dài hạn để có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- (1) Bài giảng Hệ thống kiểm soát quản trị - Trường Đại học Lao động xã hội 2020
- (2) Tài liệu dịch Hệ thống kiểm soát quản trị - Trường Đại học Lao động xã hội 2016.
- (3) Robert N. Anthony, Vijay Govindarajan: Management Control Systems, 12e, NXB McGrawhill, 2012
- (4) Garrison R., Managerial Accounting, 14e, NXB McGrawhill, 2012

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Bản chất của hệ thống kiểm soát quản trị	1, 2	4	4		8
2	Chương 2. Chiến lược của tổ chức	1, 2, 3	5	5		10
3	Chương 3. Hành vi trong tổ chức	1, 2, 3	5	5		10
4	Chương 4. Hệ thống kế toán trách nhiệm	1, 2, 3, 4	5	5		10
5	Chương 5. Đo lường và kiểm soát sử dụng tài sản	1, 2, 3, 4	7	7		14
6	Chương 6. Lập kế hoạch chiến lược	1, 2, 3	5	5		10
7	Chương 7. Phân tích hiệu quả tài chính	1, 2, 3	7	6	1	14
8	Chương 8. Đo lường hiệu quả hoạt động	1, 2, 3	7	7		14
	Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN TRỊ

1.1. Các khái niệm cơ bản

1.2. Phạm vi của kiểm soát quản trị

CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC CỦA TỔ CHỨC

2.1. Mục tiêu của tổ chức

- 2.2. Khái niệm về chiến lược
- 2.3. Chiến lược cấp công ty
- 2.4. Chiến lược bộ phận kinh doanh

CHƯƠNG 3. HÀNH VI TRONG TỔ CHỨC

- 3.1. Mục tiêu của tổ chức
- 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến mục tiêu của tổ chức
- 3.3. Hệ thống kiểm soát
- 3.4. Chức năng của nhà kiểm soát

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Trung tâm chi phí
- 4.3. Trung tâm doanh thu
- 4.4. Trung tâm lợi nhuận

CHƯƠNG 5. ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT SỬ DỤNG TÀI SẢN

- 5.1. Đo lường sử dụng tài sản
- 5.2. EVA và ROI
- 5.3. Vấn đề đánh giá trong quản trị
- 5.4. Đánh giá hiệu quả kinh tế trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 6. LẬP KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

- 6.1. Ý nghĩa của lập kế hoạch chiến lược
- 6.2. Phân tích các chương trình được đề xuất mới
- 6.3. Phân tích các chương trình đang thực hiện
- 6.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược
- 6.5. Lập dự toán

CHƯƠNG 7. PHÂN TÍCH CHÊNH LỆCH

- 7.1. Tính toán chênh lệch
- 7.2. Chênh lệch trong thực tế
- 7.3. Hạn chế của phân tích chênh lệch

CHƯƠNG 8. ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

- 8.1. Hệ thống đo lường hiệu quả hoạt động
- 8.2. Kiểm soát tương tác

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp với thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN VÀ CÁC DỊCH VỤ ĐẢM BẢO
AUDITING AND ASSURANCE SERVICES

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo

Mã học phần: KT0 205

2. Tên học phần (Tiếng Anh): Auditing and Assurance Services

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đào Mạnh Huy	0988.191.723	daomanhhuy@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Nga	0904.662.977	nguyennga270781@gmail.com
3	TS. Trần Thị Hương	0977.795.611	tranhuong78ulsa@gmail.com

6. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lịch sử ra đời, hình thành và sự cần thiết khách quan của kiểm toán trong nền kinh tế thị trường. Nắm được những kiến thức cơ bản về kiểm toán và các dịch vụ đảm bảo nói chung, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính. Đồng thời, nắm được qui trình, phương pháp kiểm toán, các loại báo cáo kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính và Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

- Từ đó giúp cho học viên có được những kiến thức cơ bản bổ ích trong quan hệ kinh tế, thương mại, vay vốn, cung cấp dịch vụ kế toán, tư vấn, kiểm toán đối với các doanh nghiệp, cũng như các tổ chức tài chính trong nước, khu vực và trên thế giới

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng của kiểm toán; Các loại hình kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Hệ thống phương pháp kiểm toán; Trình tự tổ chức công tác kiểm toán của kiểm toán nói chung, kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ, kiểm toán báo cáo tài chính; Các dịch vụ đảm bảo; Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc trước các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Tham gia thuyết trình, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên đối với bài tập thực hành theo nhóm và bài tập cá nhân.
- Hoàn thành một bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1]. Đào Mạnh Huy, *Kiểm toán căn bản*, Trường Đại học Lao động – Xã hội, 2021.

[2]. Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh, *Kiểm toán*, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2014.

[3]. Rick Hayes, Roger Dassen, Arnold Schilder, Philip Wallage, *Principles of Auditing An Introduction to International Standards on Auditing*, Second Edition, Pearson Education Limited, 2005.

[4]. Alvin A. Arens, Randal J. elder, Mark S. BeAsley, Chris E. HogAn, *Auditing and Assurance Services an Integrated Approach*, Sixteenth edition, Sixteenth Edition, NXB Pearson, 2014.

[5]. The Institute of internal Auditors, *Implementation Guides for The IIA's Code of Ethics and the International Standards for the Professional Practice of Internal Auditing*, 2019.

[6]. Bộ Tài chính, *Thông tư 214/2012/TT-BTC ban hành ngày 06/12/2012 về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, 2012.

[7]. Trần Thị Giang Tân, *Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên độc lập*, NXB Tài chính, 2009.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần ©	0,6
	$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$	

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái quát chung về kiểm toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6],	10	10		20
2	Chương 2. Dịch vụ đảm bảo	[1], [2], [3], [4], [5], [6],	6	6		12
3	Chương 3. Gian lận và trách nhiệm quản lý gian lận	[1], [2], [3], [4], [5], [6],	6	6		12
4	Chương 4. Hệ thống các thử nghiệm và Bằng chứng kiểm toán đặc biệt trong kiểm toán báo cáo tài chính	[1], [2], [3], [4], [5], [6],	7	7		14
5	Chương 5. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính	[1], [2], [3], [4], [5], [6],	10	10		20
6	Chương 6. Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7],	6	4	2	12
	Tổng cộng		45	43	2	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KIỂM TOÁN

1.1. Khái niệm về kiểm toán

1.2 Vị trí vai trò, sự cần thiết khách quan của kiểm toán

1.3 Chức năng kiểm toán và đối tượng của kiểm toán

1.3.1 Chức năng kiểm toán

1.3.2 Đối tượng của kiểm toán

1.4. Phân loại kiểm toán

1.4.1. Phân loại kiểm toán theo chức năng

1.4.2. Phân loại kiểm toán theo chủ thể

1.4.3. Các cách phân loại khác

1.5. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán

1.6. Chuẩn mực kiểm toán

CHƯƠNG 2. DỊCH VỤ ĐẢM BẢO

2.1. Khái niệm

2.2. Các yếu tố chính của hợp đồng dịch vụ đảm bảo

2.2.1. Mối quan hệ ba bên

2.2.2. Đối tượng của dịch vụ đảm bảo

2.2.3. Các tiêu chí đánh giá

2.2.4. Bảng chứng thích hợp

2.2.5. Báo cáo bằng văn bản

2.3. Các loại hình dịch vụ đảm bảo

2.3.1. Dịch vụ đảm bảo chứng thực hoặc dịch vụ đảm bảo trực tiếp

2.3.2. Dịch vụ đảm bảo hợp lý hoặc dịch vụ đảm bảo có giới hạn

2.4. Lợi ích và hạn chế của dịch vụ đảm bảo

2.4.1. Lợi ích của dịch vụ đảm bảo

2.4.2. Hạn chế của dịch vụ đảm bảo

CHƯƠNG 3: GIAN LẬN VÀ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ GIAN LẬN

3.1. Gian lận và gian lận báo cáo tài chính

3.1.1. Gian lận

3.1.2. Gian lận báo cáo tài chính

3.1.3. Sai sót trong lập báo cáo tài chính

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng và trách nhiệm quản lý gian lận

3.2.1. Các nhân tố rủi ro dẫn đến hành vi gian lận

3.2.2. Trách nhiệm quản lý gian lận

CHƯƠNG 4. HỆ THỐNG CÁC THỬ NGHIỆM VÀ BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN ĐẶC BIỆT TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4.1. Tổng quan về các loại thử nghiệm

4.2. Thử nghiệm cơ bản

4.2.1. Khái niệm

4.2.2. Nội dung của các thử nghiệm cơ bản

4.3. Thử nghiệm kiểm soát

4.3.1. Khái niệm

4.3.2. Nội dung của thử nghiệm kiểm soát

4.4. Bảng chứng kiểm toán đặc biệt

4.4.1. Khái niệm

4.4.2. Tiêu chuẩn của bảng chứng kiểm toán

4.4.3. Kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán

4.4.4. Bảng chứng kiểm toán đặc biệt

CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1. Chấp nhận và duy trì khách hàng

5.1.1. Xem xét chấp nhận thực hiện cuộc kiểm toán

5.1.2. Xây dựng các tiền đề và thỏa thuận về các điều khoản của hợp đồng kiểm toán

5.2. Thiết lập kế hoạch kiểm toán

5.2.1. Xây dựng chiến lược kiểm toán tổng thể và kế hoạch kiểm toán

5.2.3. Tìm hiểu hoạt động kinh doanh và các rủi ro về khách hàng

5.2.4. Xác lập mức trọng yếu, đánh giá rủi ro kiểm toán và áp dụng chương trình kiểm toán

5.3. Đánh giá tổng thể kết quả trước khi lập báo cáo kiểm toán

5.3.1. Áp dụng các thủ tục phân tích

5.3.2. Đánh giá sự đầy đủ của bằng chứng

5.3.3. Tổng hợp và đánh giá các sai sót chưa điều chỉnh và rà soát lại hồ sơ kiểm toán

5.4. Lập báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

5.4.1. Khái quát về báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính

5.4.2. Nội dung của báo cáo kiểm toán

5.4.3. Các loại ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo kiểm toán

CHƯƠNG 6. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

6.1. Các vấn đề chung về đạo đức nghề nghiệp

6.1.1. Đặc điểm nghề nghiệp kiểm toán

6.1.2. Tầm quan trọng và lợi ích của việc quản lý đạo đức nghề nghiệp

6.2. Đạo đức nghề nghiệp và các nguyên tắc đạo đức cơ bản

6.2.1. Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán

6.2.2. Các nguyên tắc đạo đức cơ bản

6.2.3. Yêu cầu về tính độc lập trong hoạt động kiểm toán

6.3. Nguy cơ và biện pháp bảo vệ

6.3.1. Nguy cơ đe dọa đến việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

6.3.2. Các biện pháp bảo vệ

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN TRỊ CHI PHÍ

COST MANAGEMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản trị chi phí; Mã học phần: KTO 206
2. Tên học phần (tiếng Anh): Cost Management
3. Số tín chỉ: 03 TC
4. Điều kiện tiên quyết: Không
5. Giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ tên, Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Lê Thị Tú Oanh	0964176633	oanhletu@gmail.com
2	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0983230582	lantothingoc@gmail.com
3	TS. Trần Anh Quang	0985509327	quangktqt@gmail.com
4	TS. Nguyễn Quốc Hưng	0983455576	hungthinh99@gmail.com

6. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên kiến thức về quản trị chi phí trong quá trình thực hiện kế hoạch và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập.

Nhận thức rõ về vai trò của kiểm soát chi phí trong dài hạn để có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức phục vụ cho quản trị chi phí giúp tổ chức (doanh nghiệp, đơn vị HCSN) nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng khả năng cạnh tranh và thành công trong thực hiện chiến lược.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.

- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- (1) Bài giảng Quản trị chi phí – Trường Đại học Lao động xã hội, 2020
- (2) Tài liệu dịch Quản trị chi phí – Trường Đại học Lao động xã hội, 2016
- (3) Don R. Hansen, Cost Management: Accounting and Control, 6e, NXB South Western, 2009
- (4) Blocher J., Cost Management: A strategic Emphasis, 15e, NXB McGrawhill, 2010
- (5) Garrison R., Managerial Accounting, 14e, NXB McGrawhill, 2012

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần I	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Giới thiệu về quản trị chi phí	1, 2, 3, 4, 5	6	6		12
2	Chương 2. Các khái niệm cơ bản về quản trị chi phí	1, 2, 3	6	6		12
3	Chương 3. Quản trị chi phí chiến lược	1, 2, 3	5	5		10
4	Chương 4. Quản trị chi phí theo hoạt động (ABM)	1, 2, 3, 4, 5	10	10		20
5	Chương 5. Bảng điểm cân bằng: Cơ sở cho kiểm soát chiến lược	1, 2, 3, 5	6	6		12
6	Chương 6. Quản trị chi phí chất lượng và môi trường	1, 2, 3, 4	6	5	1	12
7	Chương 7. Đo lường và kiểm soát năng suất	1, 2, 3, 4	6	6		12
	Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết**CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ QUẢN TRỊ CHI PHÍ**

1.1. Khung khái niệm

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị chi phí

1.3. Vai trò của nhân viên kế toán trong quản trị chi phí

CHƯƠNG 2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ CHI PHÍ

2.1. Phân bổ chi phí

2.2. Chi phí sản phẩm

2.3. Báo cáo tài chính cho bên ngoài

2.4. Hệ thống quản trị chi phí theo chức năng và theo hoạt động

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ CHI PHÍ CHIẾN LƯỢC

3.1. Khái niệm

3.2. Phân tích chuỗi giá trị

3.3. Quản trị chi phí theo chu kỳ sống của sản phẩm

3.3. Sản xuất và mua hàng theo JIT

3.5. JIT và ảnh hưởng của JIT đến hệ thống quản trị chi phí

CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHI PHÍ THEO HOẠT ĐỘNG (ABM)

4.1. Hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động (ABC)

4.1. Mối quan hệ giữa ABC và ABM

4.2. Phân tích giá trị quy trình

4.3. Thước đo tài chính hiệu quả hoạt động

4.4. Thực hiện quản trị chi phí theo hoạt động

4.5. Kế toán trách nhiệm theo chức năng và kế toán trách nhiệm theo hoạt động

CHƯƠNG 5. BẢNG ĐIỂM CÂN BẰNG: CƠ SỞ CHO KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC

5.1. Kế toán trách nhiệm theo hoạt động và kế toán trách nhiệm dựa trên chiến lược

5.2. Các khái niệm cơ bản về bảng điểm cân bằng

5.3. Liên kết thước đo với chiến lược

5.4. Liên kết chiến lược

CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ CHI PHÍ CHẤT LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

6.1. Chi phí chất lượng

6.2. Thông tin chi phí chất lượng và ra quyết định

6.3. Kiểm soát chi phí chất lượng

6.4. Định nghĩa, đo lường và kiểm soát chi phí môi trường

CHƯƠNG 7. ĐO LƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT NĂNG SUẤT

7.1. Năng suất hiệu quả

7.2. Đo lường năng suất bộ phận

7.3. Đo lường năng suất toàn bộ

7.4. Đo lường sự thay đổi hoạt động và hiệu quả quá trình

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho

học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp với thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ MARKETING HIỆN ĐẠI
CONTEMPORARY MARKETING MANAGEMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Quản trị marketing hiện đại; **Mã học phần:** QTK 307
2. **Tên học phần bằng tiếng Anh:** Contemporary Marketing Management
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	0988.032.096	ngthuhuong911@gmail.com
2	TS. Lục Mạnh Hiễn	0906.238.118	hienlm@gmail.com
3	TS. Phan Thành Hưng	0904.692.966	phanthanhhunga@gmail.com
4	TS. Lê Thị Hải Hà	0915.020.988	hale_kt@yahoo.com.vn

6. Mục tiêu của học phần

6.1. Mục tiêu chung của học phần

Đây là học phần nghiên cứu một cách tổng quát quá trình quản trị marketing. Vì vậy, học phần này giúp cho học viên nhận thức được những vấn đề chính đặt ra đối với marketing chiến lược, kế hoạch và hành động.

- *Về kiến thức:*

- + Hiểu được tổng quan về quản trị marketing.
- + Hiểu được kỹ thuật phân tích môi trường marketing nhằm phát hiện ra những cơ hội.
- + Nhận biết được cách thức công ty tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing đã được vạch ra trong bản kế hoạch marketing.

- *Về kỹ năng:*

- + Lựa chọn được chiến lược marketing cho một công ty cụ thể ở những vị trí khác nhau trên thị trường trên cơ sở phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và

các nguồn lực của công ty với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường khi được yêu cầu.

+ Lập được bản kế hoạch marketing cho một công ty cụ thể, trong đó phải phân bổ nguồn lực cho các hoạt động marketing (ngân sách, nguồn nhân lực, thời gian...) để đạt mục tiêu đã định.

+ Sử dụng phối thức marketing hỗn hợp để tác động vào từng thị trường mục tiêu khi có yêu cầu.

+ Rèn luyện năng lực tư duy quản trị marketing.

+ Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống với những tình huống về quản trị marketing.

- Về thái độ:

+ Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị marketing trong hoạt động kinh doanh nói chung và trong hoạt động marketing nói riêng.

+ Rèn luyện phẩm chất của nhà quản trị marketing như linh hoạt, nhạy bén, có khả năng bao quát và ra quyết định hướng tới khách hàng.

6.2. Mục tiêu chi tiết của học phần

Mục tiêu	Mức nhớ	Mức hiểu	Mức vận dụng
Nội dung			
Chuyên đề 1: Tổng quan về Quản trị Marketing	I.A.1 Các khái niệm cốt lõi	I.B.1 Nội dung cơ bản của Quản trị marketing I.B.2 Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ	
Chuyên đề 2: Lập chiến lược marketing mục tiêu	II.A.1 Môi trường marketing Vi Mô, Vĩ Mô	II.B.1 Phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu II.B.2 Nghiên cứu thị trường và Phân tích hành vi khách hàng	II.C.1 Lựa chọn giá trị cung cấp cho khách hàng II.C.2 Định vị thị trường

Chuyên đề 3: Các chiến lược marketing thành phần	III.A.1 Các khái niệm cơ bản về sản phẩm III.A.2 Các khái niệm cơ bản về giá III.A.3 Các khái niệm cơ bản về phân phối III.A.4 Các khái niệm cơ bản về xúc tiến hỗn hợp	III.B.1 Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá các chiến lược marketing thành phần	III.C.1 Lập kế hoạch chiến lược sản phẩm III.C.2 Lập kế hoạch chiến lược giá III.C.3 Lập kế hoạch chiến lược phân phối III.C.4 Lập kế hoạch chiến lược xúc tiến
Chuyên đề 4: Quản trị marketing trong thời đại số	VI.A.1 Các khái niệm cơ bản về Digital Marketing VI.B.2 Marketing trên các nền tảng Website, Mạng xã hội và di động	VI.B.1 Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá các chiến lược digital marketing	VI.C.1 Lập kế hoạch chiến lược marketing trên nền tảng mạng xã hội VI.C.2 Lập kế hoạch chiến lược marketing trên nền tảng di động

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần tập trung vào các quyết định chủ yếu mà người quản trị marketing và ban lãnh đạo tối cao trong các tổ chức phải thông qua, nhằm phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và các tài nguyên của tổ chức với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần theo hướng dẫn của giảng viên.
- Học viên phải giành thời gian tương ứng đọc trước tài liệu ở nhà, soạn bài theo đề cương, ghi chú những vấn đề còn thắc mắc, chưa rõ cần trao đổi với giảng viên khi lên lớp.
- Học viên được cộng điểm vào điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên nếu tích cực tham gia phát biểu ý kiến và các ý kiến phát biểu có chất lượng.

9. Tài liệu học tập

- [1]. Phillip Kotler, Quản trị Marketing, NXB Lao động – Xã hội, 2013.
- [2]. PGS. TS. Trương Đình Chiến, Quản trị Marketing trong doanh nghiệp, NXB Thống kê, Hà Nội, 2011.

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

* Loại đạt

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chuyên đề 1. Tổng quan về quản trị marketing	1, 2	06	06	0	12
2	Chuyên đề 2. Lập chiến lược marketing mục tiêu	1, 2	12	12		24
3	Chuyên đề 3. Các chiến lược marketing thành phần	1, 2	17	16	1	34
4	Chuyên đề 4. Quản trị marketing trong thời đại số	1, 2	10	10		20
	Tổng số		45	44	01	90

B. Nội dung chi tiết

CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ MARKETING

1.1. Bản chất của marketing

- 1.1.1. Các khái niệm
- 1.1.2. Vai trò của marketing
- 1.1.3. Các quan điểm định hướng kinh doanh của doanh nghiệp

1.2. Quản trị marketing

- 1.2.1. Khái niệm
- 1.2.2. Đặc điểm của quản trị marketing
- 1.2.3. Những nhiệm vụ chủ yếu của quản trị marketing

1.3. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ

- 1.3.1. Giá trị, chi phí và sự thỏa mãn của khách hàng
- 1.3.2. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và chuỗi giá trị theo quan điểm marketing hiện đại
- 1.3.3. Marketing quản trị quan hệ khách hàng

CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU

2.1. Xây dựng chiến lược marketing

- 2.1.1. Phân tích môi trường marketing và thị trường
- 2.1.2. Xây dựng chiến lược marketing
- 2.1.3. Thực hiện và kiểm tra thực hiện kế hoạch marketing chiến lược

2.2 Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu

- 2.2.1 Phân đoạn thị trường
- 2.2.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu
- 2.2.3 Nghiên cứu hành vi khách hàng và lựa chọn giá trị cung cấp cho khách hàng, sự hài lòng và lòng trung thành
- 2.2.4 Định vị thị trường

CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN

3.1. Chiến lược sản phẩm

3.2. Chiến lược giá

3.3. Chiến lược phân phối

3.4 Chiến lược truyền thông – xúc tiến hỗn hợp

CHUYÊN ĐỀ 4: QUẢN TRỊ MARKETING TRONG THỜI ĐẠI SỐ

4.1 Các khái niệm cơ bản về digital marketing**4.2 Chiến lược marketing trong môi trường số****4.2.1 Marketing trên website****4.2.2 Marketing trên mạng xã hội****4.2.3 Marketing trên thiết bị di động****13. Hướng dẫn thực hiện**

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH
CORPORATE STRATEGIC MANAGEMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Quản trị chiến lược kinh doanh;

Mã học phần: QTK 308

2. Tên học phần (tiếng Anh): Corporate Strategic Management

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	0982.551.207	tramnguyen.ulsa@gmail.com
2	TS. Lục Mạnh Hiện	0906.238.118	hienlm@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức:

+ Nắm được khái niệm cơ bản về chiến lược, nhà quản trị chiến lược và nội dung cơ bản về quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.

+ Hiểu, phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến quá trình hoạch định chiến lược như sứ mệnh, mục tiêu của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh.

+ Lựa chọn chiến lược theo các định hướng chiến lược cả 3 cấp (cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh và cấp chức năng).

+ Hiểu, phân tích được những vấn đề liên quan đến triển khai thực hiện chiến lược qua công cụ bản đồ chiến lược; cách thức kiểm soát và điều chỉnh chiến lược qua thẻ điểm cân bằng BSC.

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện kỹ năng tư duy chiến lược, hình thành “phản xạ” đối với các nhân tố chiến lược.

+ Làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến những tình huống quản trị chiến lược cụ thể.

- Thái độ:

+ Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị chiến lược trong hoạt động kinh doanh.

+ Có sự tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thể điểm cân bằng BSC.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Học viên cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học phần theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (bài tập nhóm).
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. PGS.TS Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*- NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012.

[2]. Fred R. David, *Quản trị chiến lược* - NXB Kinh tế TP. HCM, 2015.

- *Tài liệu tham khảo:*

[3]. TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Lê Việt Long, TS, Đỗ Thị Thanh Vinh, Ths. Nguyễn Kim Nam, *Giáo trình quản trị chiến lược*, NXB Phương Đông.

[4]. PGS.TS Lê Thế Giới, TS. Nguyễn Thanh Liêm, Ths. Trần Hữu Hải, *Quản trị chiến lược*, NXB Thống kê, 2007.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (Tự luận - trắc nghiệm)
- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về Quản trị chiến lược	[1], [2]	10	10		20
2	Chương 2. Xây dựng chiến lược kinh doanh	[1], [2]	15	15		30
3	Chương 3. Xây dựng bản đồ chiến lược	[1], [2], [3]	10	09	1	20
4	Chương 4. Kiểm soát chiến lược qua thẻ điểm cân bằng	[1], [2], [4]	10	10		20
	Tổng số		45	45	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược

1.1.1. Các khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược

1.1.2. Vai trò của quản trị chiến lược

1.2. Mô hình quản trị chiến lược

1.2.1. Mô hình quản trị chiến lược tổng quát

1.2.2. Mô hình ba giai đoạn quản trị chiến lược

1.3. Các cấp quản trị chiến lược

1.3.1. Chiến lược cấp doanh nghiệp

1.3.2. Chiến lược kinh doanh

1.3.3. Chiến lược cấp chức năng.

1.4. Nhà quản trị chiến lược

1.4.1. Khái niệm và vai trò của nhà quản trị chiến lược

1.4.2. Yêu cầu về năng lực của nhà quản trị chiến lược

1.5. Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược

1.5.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

1.5.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

1.5.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh

CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

2.1. Phân tích môi trường kinh doanh

2.1.1. Môi trường vĩ mô

2.1.2. Môi trường vi mô

2.2. Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp

2.2.1. Phân tích chuỗi giá trị

2.2.2. Phân tích theo tiềm năng các nguồn lực của doanh nghiệp

2.3. Lựa chọn định hướng chiến lược

CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC

3.1. Các nguyên tắc xây dựng và mô hình bản đồ chiến lược tổng quát

3.1.1. Các nguyên tắc xây dựng bản đồ chiến lược

3.1.2. Mô hình bản đồ chiến lược tổng quát

3.2. Xây dựng các mục tiêu chiến lược

3.2.1. Giá trị dài hạn của cổ đông

3.2.2. Tập hợp giá trị cung ứng cho khách hàng

3.3. Xây dựng các quy trình tạo giá trị

3.3.1. Các quy trình quản trị vận hành

3.3.2. Các quy trình quản trị khách hàng

3.3.3. Các quy trình đổi mới

3.4. Gắn kết các nguồn lực với chiến lược

3.4.1. Sự sẵn sàng của nguồn nhân lực

3.4.2. Sự sẵn sàng của nguồn lực thông tin

3.4.3. Sự sẵn sàng của nguồn vốn tổ chức

3.5. Điều chỉnh bản đồ chiến lược theo chiến lược của doanh nghiệp

3.5.1. Chiến lược dẫn đầu về chi phí

3.5.2. Chiến lược dẫn đầu về sản phẩm

3.5.3. Chiến lược giải pháp khách hàng toàn diện

3.5.4. Chiến lược khóa chặt vào hệ thống

CHƯƠNG 4. KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC QUA THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG

4.1. Khái niệm và vai trò của kiểm soát chiến lược

4.1.1. Khái niệm kiểm soát chiến lược

4.1.2. Vai trò của kiểm soát chiến lược

4.2. Thẻ điểm cân bằng BSC

4.2.1. Đo lường khía cạnh tài chính

4.2.2. Đo lường khía cạnh khách hàng

4.2.3. Đo lường khía cạnh quy trình nội bộ

4.2.4. Đo lường khía cạnh học tập và tăng trưởng

4.2.5. Kết nối các thước đo của thẻ điểm cân bằng với chiến lược

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ
LEADERSHIP AND MANAGEMENT SKILLS

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (Tiếng Việt): Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

Mã học phần: QTN 307

2. Tên học phần (Tiếng Anh): Leadership and Management Skills

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Hồng	0912.657.838	honghrm@gmail.com
2	PGS.TS. Lê Thanh Hà	0942.162.962	halt@ulsa.edu.vn
3	TS. Phạm Ngọc Thành	0936.757.589	phamngocthanhulsa@gmail.com
4	TS. Doãn Thị Mai Hương	0904.864.518	huongdoanthimai@yahoo.com

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần này:

- Về kiến thức: Học viên sẽ hiểu rõ bản chất, sự khác biệt, mối liên hệ và vai trò của quản lý và lãnh đạo - chức năng và người thực hiện; nắm vững các kỹ năng cần có để thực hiện tốt các chức năng quản lý đặc biệt là chức năng lãnh đạo; hiểu rõ các lưu ý cần thiết khi thực hiện các kỹ năng quản lý, lãnh đạo.

- Về kỹ năng: Học viên có thể phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Khéo léo trong lựa chọn, bố trí sử dụng nhân lực và tạo ảnh hưởng đến nhân viên, Biết lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp theo từng tình huống. Quản lý và lãnh đạo một cách khoa học và nghệ thuật để đạt được mục tiêu quản lý thông qua nỗ lực của nhân viên và vận hành các quy trình quản lý.

- Về thái độ: Nhận thức rõ về quyền uy và tầm quan trọng của chữ tín, việc xây dựng tài khoản tình cảm đối với cấp dưới, cấp trên, đối tác. Nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của lãnh đạo, quản lý đến hiệu quả hoạt động của nhân viên, của tổ chức. Chủ

động hướng tới tính chuyên nghiệp trong phong cách lãnh đạo, quản lý.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Kỹ năng lãnh đạo và quản lý là học phần cơ sở, áp dụng chung trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ các ngành học. Học phần này nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (có bài tập nhóm nộp cuối kỳ).
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1]. John C.Maxwell (2011). Phát triển kỹ năng lãnh đạo. NXB Lao động – Xã hội.

[2] Nguyễn Thị Anh Trâm (2019), Bài giảng Kỹ năng quản lý và lãnh đạo, Đại học Lao động - Xã hội (lưu hành nội bộ).

[3] Nguyễn Thị Hồng (2020), Quản lý thực hiện công việc, NXB Lao động - Xã hội.

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết, hình thức trắc nghiệm + tự luận (được sử dụng tài liệu).
- **Phương thức đánh giá học phần**

STT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái quát chung về Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	[1], [2]	8	8		16
2	Chương 2. Phong cách lãnh đạo & lãnh đạo theo tình huống	[1], [2], [3]	14	14		28
3	Chương 3. Tạo ảnh hưởng	[1], [2], [3]	12	12		24
4	Chương 4. Giải quyết vấn đề và ra quyết định	[1], [2]	11	10	1	22
	Tổng số		45	44	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

1.1. Bản chất, vai trò và các chức năng cơ bản của quản lý

1.1.1. Bản chất, mục tiêu, chủ thể và đối tượng của quản lý

1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản lý

1.1.3. Vai trò của quản lý

1.2. Bản chất, vai trò của lãnh đạo và các cấp lãnh đạo

1.2.1. Bản chất, chủ thể, đối tượng của lãnh đạo

1.2.2. Vai trò của lãnh đạo

1.2.3. Các cấp lãnh đạo

1.3. Sự khác biệt, mối liên hệ và xu hướng lãnh đạo quản lý

1.3.1. Sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý

1.3.2. Mối liên hệ giữa lãnh đạo và quản lý

1.3.3. Xu hướng lãnh đạo và quản lý

1.4. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.4.1. Bản chất và sự cần thiết của kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.4.2. Các kỹ năng lãnh đạo và quản lý

1.5. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu học phần

1.5.1. Đối tượng nghiên cứu

1.5.2. Nội dung nghiên cứu

1.5.3. Phương pháp nghiên cứu

1.5.4. Mối quan hệ của học phần kỹ năng lãnh đạo và quản lý với các học phần khác

CHƯƠNG 2: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO & LÃNH ĐẠO THEO TÌNH HUỐNG

2.1. Hoạch định chiến lược, định hướng và hỗ trợ thiết lập mục tiêu công việc

2.1.1. Định hướng chiến lược

2.1.2. Mục tiêu & Tiêu chí đánh giá thực hiện công việc

2.1.3. Nguyên tắc SMART trong thiết lập mục tiêu

2.1.4. Phương pháp thiết lập mục tiêu

2.1.5. Hỗ trợ nhân viên thiết lập mục tiêu công việc

2.2. Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian

2.2.1. Kỹ năng quản lý thời gian

2.2.2. Kỹ năng lập kế hoạch

2.3. Giao tiếp và phong cách giao tiếp của lãnh đạo

2.3.1. Kỹ năng giao tiếp trong lãnh đạo và quản lý

2.3.2. Ba phong cách giao tiếp cơ bản của các nhà lãnh đạo

2.4. Kỹ năng giao việc và lãnh đạo theo tình huống

2.4.1. Kỹ năng giao việc

2.4.2. Lãnh đạo theo tình huống

CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG TẠO ẢNH HƯỞNG

3.1. Vai trò của quyền uy, tài khoản tình cảm đối với người lãnh đạo

3.1.1. Bản chất và nguồn gốc của quyền uy

3.1.2. Tài khoản tình cảm và cách thức làm gia tăng tài khoản tình cảm

3.2. Hướng dẫn công việc – Huấn luyện nhân viên

3.2.1. Bản chất, vai trò và sự cần thiết hướng dẫn công việc

3.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hướng dẫn/huấn luyện nhân viên

3.2.3. Những yêu cầu đối với hướng dẫn/huấn luyện nhân viên

3.3. Kỹ năng khích lệ động viên và góp ý sửa lỗi

3.3.1. Khích lệ động viên

3.3.2. Góp ý sửa lỗi

3.4. Kỹ năng tuyên truyền và thuyết phục

3.4.1. Tuyên truyền

3.3.2. Thuyết phục

CHƯƠNG 4: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

4.1. Kỹ năng điều hành

4.1.1. Tổ chức làm việc nhóm

4.1.2. Điều hành họp

4.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề

4.2.1. Phân tích vấn đề

4.2.2. Thu thập thông tin

4.2.3. Giải quyết vấn đề

4.3. Kỹ năng giải quyết xung đột

4.3.1. Bản chất, phân loại xung đột

4.3.2. Nguyên lý và yêu cầu trong giải quyết xung đột

4.3.3. Giải quyết xung đột

4.4. Kỹ năng ra quyết định

4.1. Phân loại quyết định trong lãnh đạo và quản lý

4.2. Nguyên lý và yêu cầu đối với ra quyết định

4.3. Căn cứ ra quyết định

4.4. Quy trình ra quyết định

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp tổ chức trải nghiệm, thử sai, sửa sai - nhập vai thực hành các kỹ năng.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA
HUMAN RESOURCES MANAGEMENT ON GLOBAL

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa;
Mã học phần: QTN 308
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Human resources management on global
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Triết học, Phương pháp nghiên cứu khoa học.
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS. TS. Lê Thanh Hà	0915.938.222	halt@ulsa.edu.vn
2	TS. Vũ Hồng Phong	0988.112.802	phongvhulsa@gmail.com
3	TS. Nguyễn Thị Hồng	0912.657.838	honghrm@gmail.com

6. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức:* Môn học trang bị cho học viên cao học những kiến thức tổng hợp về Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức trong mối tương quan với những sự thay đổi toàn diện do quá trình toàn cầu hóa mang lại.

- *Kỹ năng:* Môn học trang bị cho học viên cao học kỹ năng phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình quản lý, nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và đạt được các mục tiêu mà tổ chức đã đặt ra trong một môi trường kinh tế - xã hội có nhiều sự thay đổi dưới tác động của toàn cầu hóa.

- *Thái độ:* Giáo dục học viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa, từ đó, có định hướng chính sách quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và thời gian tới.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân

lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Lê Thanh Hà, Giáo trình Quản trị nhân lực, Tập 1, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2009.

[2]. Lê Thanh Hà, Giáo trình Quản trị nhân lực, Tập 2, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2009.

[3]. Vũ Hồng Phong, Giáo trình Quản trị nhân lực, Đại học Lao động – Xã hội, 2018.

- *Tài liệu tham khảo:*

[4] Bộ môn quản trị tác nghiệp TMQT, Bài giảng Quản trị đa văn hóa, Đại học Thương Mại.

[5] Giáo trình Quản lý sự thay đổi của ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (Tự luận)

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	[1], [2], [3], [4], [5]	13	13		26
2	Quản lý sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	[1], [2], [3], [4]	20	20		40
3	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường đa văn hóa	[1], [2], [3], [5]	12	11	1	24
	Tổng số		45	44	1	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA

1.1. Tổng quan về toàn cầu hóa.

1.1.1. Khái niệm toàn cầu hóa

1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của toàn cầu hóa

1.1.3. Toàn cầu hóa ở Việt Nam

1.2. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực và quản lý nguồn nhân lực

1.2.1. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực

1.2.2. Tác động của toàn cầu hóa đến quản lý nguồn nhân lực

1.2.3. Cơ hội và thách thức đối với vấn đề quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

1.3. Những vấn đề mới đang đặt ra đối với quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa

1.3.1. Di dân và di chuyển lao động quốc tế và sự thay đổi về môi trường dân cư, môi trường lao động

1.3.2. Sự hình thành của các Công ty đa quốc gia và vấn đề đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức

1.3.3. Hội nhập, cạnh tranh và sự cần thiết phải lựa chọn mô hình quản trị nhân lực phù hợp

1.3.4. Đòi hỏi đối với việc vượt qua các rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA

2.1. Sự cần thiết phải thay đổi các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức dưới tác động của toàn cầu hóa

2.1.1. Những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi

2.1.2. Các chính sách quản lý nguồn nhân lực đã, đang và sẽ có sự thay đổi

2.1.3. Sự xuất hiện của một số chính sách quản trị nhân lực mới

2.2. Sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực

2.2.1. Chính sách tuyển dụng nhân lực

2.2.2. Chính sách đào tạo nhân lực

- 2.2.3. Đánh giá thực hiện công việc
- 2.2.4. Chính sách thù lao và phúc lợi
- 2.2.5. Chính sách an toàn - vệ sinh lao động
- 2.2.6. Chính sách quan hệ lao động
- 2.2.7. Các chính sách khác

2.3. Sự xuất hiện của một số chính sách nhân lực mới

- 2.3.1. Chính sách quản lý nhân lực đa văn hóa
- 2.3.2. Chính sách đối với lao động nhập cư
- 2.3.3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và sự điều chỉnh chính sách quản trị nhân lực

2.4. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách quản lý nguồn nhân lực

- 2.4.1. Quản lý sự thay đổi liên quan đến vấn đề quyền và lợi ích của người lao động
- 2.4.2. Quản lý sự thay đổi liên quan đến sự phát triển hay đổi mới tương lai của tổ chức
- 2.4.3. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách nhân lực cụ thể

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA

3.1. Đa văn hóa và quản trị nhân lực đa văn hóa

- 3.1.1. Một số khái niệm
- 3.1.2. Quan điểm về quản trị nhân lực đa văn hóa
- 3.1.3. Những thách thức trong quản trị nhân lực đa văn hóa
- 3.1.4. Chiến lược quản trị nhân lực đa văn hóa
- 3.1.5. Yêu cầu đối với nhà quản lý, lãnh đạo trong quản trị nhân lực đa văn hóa

3.2. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong tổ chức

- 3.2.1. Nguồn gốc của sự đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức
- 3.2.2. Nguyên nhân chính phải xây dựng chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong các tổ chức có nguồn nhân lực đa văn hóa
- 3.2.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong một tổ chức
- 3.2.4. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong các công ty đa quốc gia

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO
ADVANCED CORPORATE FINANCE MANAGEMENT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
Mã học phần: KTO 308
2. **Tên học phần bằng tiếng Anh:** Advanced Corporate Finance Management
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Học phần tiên quyết (nếu có):** không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	0982.09.25.18	thuyhuong7879@gmail.com
2	TS. Lương Thị Huyền	0983.064.178	luonghuyen1982@gmail.com
3	TS. Ngô Thị Minh	0984.666.732	ngominh0824@gmail.com

6. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, quản trị dòng tiền, cơ cấu vốn và chi phí vốn, lý thuyết cơ bản của định giá doanh nghiệp, ý nghĩa các báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Một số vấn đề đến mua bán, sáp nhập và kiệt quệ tài chính, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

7. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong, học viên hiểu về các kiến thức quản trị tài chính chuyên sâu làm giúp học viên chuyên ngành kế toán nghiên cứu các nội dung liên quan đến kế toán doanh nghiệp nâng cao.

- Biết cách đọc hiểu các báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối kế toán; từ đó có thể phân tích khái quát tài chính doanh nghiệp.

- Hiểu được các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp như: huy động nợ, huy động vốn chủ sở hữu.
- Biết đánh giá rủi ro của một tài sản và của một danh mục đầu tư.
- Hiểu được mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận.
- Biết cách xác định các chi phí vốn.
- Hiểu được cách xác định cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp.
- Biết cách lập kế hoạch tài chính dài hạn cho doanh nghiệp.
- Hiểu được quản lý tài sản lưu động và cố định trong doanh nghiệp.
- Biết các hình thức mua bán lại doanh nghiệp.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- [1]. PGS.TS. Dương Đức Lân (2011), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp* – Nhà xuất bản tài chính.
- [2]. PGS.TS. Lưu Thị Hương (2003), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp* – Nhà xuất bản thống kê.
- [3]. Nguyễn Hải Sản (2007), *Quản trị Tài chính doanh nghiệp* – Nhà xuất bản thống kê.
- [4]. Eugene F. Brigham và Joel F. Houston (2009), *Quản trị tài chính*, Đại học Florida
- [5]. Ross Weterfield Jaff (2013), *Tài chính doanh nghiệp*, Mac Graw Hill Education.
- [6]. Ross- Fundamentals of Corporate Finance Vol I – 6th, Mc GrawHill Companies, 2003.
- [7]. Luật doanh nghiệp (2020), Quốc hội.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)
- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$\text{ĐMH} = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
		Tổng số	LT	KT	
Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp	1, 2, 4, 5	4	4		8
Chương 2: Các báo cáo tài chính của doanh nghiệp	2, 4, 5, 6	5	5		9
Chương 3. Quản trị tài sản của doanh nghiệp	1, 4, 5	4	4		10
Chương 4. Nguồn huy động vốn của doanh nghiệp	1, 2, 4, 5	4	4		10

Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
		Tổng số	LT	KT	
Chương 5. Rủi ro và tỷ suất sinh lợi	1, 4, 5	6	6		15
Chương 6. Định giá, hoạch định ngân sách vốn cho công ty có sử dụng nợ vay và các hình thức chi trả cổ tức	2, 3, 4, 5, 6	4	3	1	8
Chương 7. Các chủ đề đặc biệt	3, 6, 7	9	9		15
Chương 8. Dự báo tài chính	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	9	9		15
Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1.1. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường

1.1.1. Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp và những bài học về doanh nghiệp phá sản khi quản trị yếu kém

1.1.2. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2. Các nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp

1.2.1. Nguyên tắc giá trị thời gian của tiền

1.2.2. Nguyên tắc sử dụng nợ vay trong kinh doanh

1.2.3. Nguyên tắc đánh đổi rủi ro và lợi nhuận

1.2.4. Các nguyên tắc khác

1.3. Các báo cáo tài chính và dòng tiền

1.3.1. Các báo cáo tài chính

1.3.2. Dòng tiền dưới góc độ kế toán và dưới góc độ tài chính

CHƯƠNG 2: CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP

2.1 Giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp

2.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính

2.1.2. Ý nghĩa của từng báo cáo tài chính

2.2. Nội dung, kết cấu các báo cáo tài chính

2.2.1 Nội dung và ý nghĩa các báo cáo tài chính

2.2.2. Mục tiêu phân tích khái quát từng báo cáo.

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP

3.1. Quản trị tài sản ngắn hạn

3.1.1. Quản trị dự trữ

3.1.2. Quản trị tiền mặt

3.1.3. Quản trị các khoản phải thu

3.1.4. Quản trị các khoản chi

3.2. Quản trị tài sản dài hạn

3.2.1. Quản trị tài sản cố định

3.2.2 Các chỉ tiêu đánh giá

CHƯƠNG 4. NGUỒN HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

4.1. Nguồn huy động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp

4.1.1. Vốn chủ sở hữu

4.1.2. Vốn vay

4.2. Nguồn huy động vốn ngắn hạn của doanh nghiệp

4.2.1. Vay tiền mặt

4.2.2. Phát hành quá số dư

4.2.3. Chiết khấu giấy tờ có giá

4.2.4. Khách hàng trả tiền trước

CHƯƠNG 5. RỦI RO VÀ TỶ SUẤT SINH LỢI

5.1. Tỷ suất sinh lợi

5.1.1. Tỷ suất sinh lợi của một thời kỳ

5.1.2. Tỷ suất sinh lợi trung bình của chứng khoán và tỷ suất sinh lợi phi rủi ro

5.2. Rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống

5.3. Chi phí sử dụng vốn

5.2.1. Chi phí sử dụng vốn thành phần và chi phí sử dụng vốn bình quân

5.2.2. Hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 6. ĐỊNH GIÁ, HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH VỐN CHO CÔNG TY CÓ SỬ DỤNG NỢ VAY VÀ CÁC HÌNH THỨC CHI TRẢ CỔ TỨC

6.1. Các phương pháp định giá đầu tư

- 6.1.1. Phương pháp hiện giá hiệu chỉnh
- 6.1.2. Phương pháp dòng tiền thuộc về vốn chủ sở hữu
- 6.1.3. Phương pháp chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền

6.2. Các hình thức chi trả cổ tức

- 6.2.1. Quy trình chuẩn của việc chi trả cổ tức tiền mặt
- 6.2.2. Các hình thức chi trả cổ tức

CHƯƠNG 7. CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT

7.1. Sáp nhập, mua lại và thoái vốn

- 7.1.1. Các hình thức cơ bản của mua lại
- 7.1.2. Mặt trái về tài chính của hoạt động mua lại
- 7.1.3. Giá trị hiện thuần của sáp nhập
- 7.1.4. Các hình thức thuế trong thương vụ mua lại

7.2. Kiệt quệ tài chính

- 7.2.1. Khái niệm về kiệt quệ tài chính
- 7.2.2. Rủi ro khi doanh nghiệp kiệt quệ tài chính

CHƯƠNG 8. DỰ BÁO TÀI CHÍNH

8.1. Tổng quan về dự báo tài chính

- 8.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của dự báo
- 8.1.2. Các phương pháp dự báo
- 8.1.3. Các nguyên tắc dự báo

8.2. Dự báo tài chính

- 8.2.1. Dự báo doanh thu
- 8.2.2. Dự báo kết quả kinh doanh
- 8.2.3. Dự báo ngân quỹ

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp với thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN
ACCOUNTING INFORMATION SYSTEM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán; **Mã số học phần: KTO 309**
2. Tên học phần (tiếng Anh): **Accounting Information System**
3. Số tín chỉ: 03 TC
4. Học phần tiên quyết (nếu có): không
5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	PGS.TS. Bùi Thị Ngọc	0989.077.435	buithingoc.ldxh@gmail.com
2	TS. Trần Thị Dự	0972.848.555	dudhldxh@gmail.com
3	TS. Tạ Thị Thúy Hằng	0983.024.118	hangulsa@gmail.com
4	TS. Ngô Quang Hùng	0902.096.464	hung1982hvtc@gmail.com

6. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về hệ thống thông tin kế toán, bao gồm: tổng quan về hệ thống thông tin kế toán; các vấn đề cơ bản về đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ và ứng dụng kiểm soát nội bộ trong xây dựng và đánh giá hệ thống thông tin kế toán. Đồng thời học phần cung cấp cho người học hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh cụ thể và trong hệ thống báo cáo kế toán. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và ứng dụng phần mềm kế toán.

7. Mục tiêu của học phần

- Người học nắm được những vấn đề tổng quan về hệ thống, hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng.
- Người học nắm được các vấn đề về đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ và ứng dụng các nội dung này trong việc đánh giá hệ thống thông tin kế toán của tổ chức.
- Người học nắm được cách thức xây dựng và xử lý thông tin kế toán trong một số chu trình kinh doanh: chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình sản xuất, chu trình tiền lương và tài sản cố định trong điều kiện thủ công và máy tính.

- Người học nắm được những vấn đề về xây dựng và xử lý hệ thống thông tin trong hệ thống báo cáo kế toán.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp.
- Tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần (có bài tập nhóm nộp cuối kỳ).
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu tham khảo

- [1]. Bùi Thị Ngọc, Trần Thị Dư (2020), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.
- [2]. Accounting Information Systems, James A. Hall, sixth edition.
- [3]. Accounting Information Systems, Ulric J. Gelinas, Jr, Steve G. Sutton, 5e (1).
- [4]. Accounting Information Systems, Marshall B. Romney, 10e (2).
- [5]. Hệ thống thông tin kế toán (tập 1), (2012), Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Nhà xuất bản Phương Đông.
- [6]. Hệ thống thông tin kế toán (tập 2) (2012), Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Nhà xuất bản Phương Đông.
- [7] Hệ thống thông tin kế toán, Nguyễn Thế Hưng, ĐH Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Các trang Web và tạp chí chuyên ngành kế toán - kiểm toán.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- Phương pháp đánh giá học phần

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung chi tiết học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7].	9	9		18
2	Chương 2: Đạo đức, gian lận và kiểm soát nội bộ.	[1], [2], [4], [5].	12	12		24
3	Chương 3: Hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh	[1], [2], [4], [5].	12	11	1	24
4	Chương 4: Hệ thống báo cáo kế toán	[1], [2], [4], [5]	12	12		24
	Tổng số		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

1.1. Giới thiệu về hệ thống thông tin kế toán

1.1.1. Bản chất hệ thống thông tin kế toán

1.1.2. Yếu tố cấu thành và mô hình hệ thống thông tin kế toán

1.2. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán

1.2.1. Kế toán là người thiết kế hệ thống thông tin kế toán

1.2.2. Kế toán là người sử dụng hệ thống thông tin kế toán

1.2.3. Kế toán là người kiểm toán hệ thống thông tin kế toán

1.3. Các công cụ mô tả hệ thống

1.3.1. Sơ đồ dòng dữ liệu

1.3.2. Sơ đồ quan hệ thực thể

1.3.3. Lưu đồ

CHƯƠNG 2: ĐẠO ĐỨC, GIAN LẬN VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

2.1. Các vấn đề về đạo đức

2.1.1. Khái niệm, nội dung đạo đức kinh doanh

2.1.2. Khái niệm, nội dung đạo đức máy tính

2.1.3. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

2.2. Các vấn đề về gian lận

2.2.1. Khái niệm, các yếu tố cấu thành gian lận

2.2.2. Các biểu hiện của gian lận

2.2.3. Các vấn đề về gian lận máy tính

2.3. Các vấn đề về kiểm soát nội bộ

2.3.1. Khái niệm, mục tiêu hệ thống kiểm soát nội bộ

2.3.2. Các biện pháp kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CỦA CÁC CHU TRÌNH KINH DOANH

3.1. Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình doanh thu

- 3.1.1. Những vấn đề chung về chu trình doanh thu
- 3.1.2. Chu trình doanh thu trong kế toán thủ công
- 3.1.3. Chu trình doanh thu trong kế toán trên máy tính
- 3.1.4. Kiểm soát chu trình doanh thu.

3.2. Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình mua hàng

- 3.2.1. Những vấn đề chung về chu trình mua hàng
- 3.2.2. Chu trình mua hàng trong kế toán thủ công
- 3.2.3. Chu trình mua hàng trong kế toán trên máy tính
- 3.2.4. Kiểm soát chu trình mua hàng.

3.3. Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình tiền lương

- 3.3.1. Những vấn đề chung về chu trình tiền lương
- 3.3.2. Chu trình tiền lương trong kế toán thủ công
- 3.3.3. Chu trình tiền lương trong kế toán trên máy tính
- 3.3.4. Kiểm soát chu trình tiền lương.

3.4. Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình tài sản cố định

- 3.4.1. Những vấn đề chung về chu trình tài sản cố định
- 3.4.2. Chu trình tài sản cố định trong kế toán thủ công
- 3.4.3. Chu trình tài sản cố định trong kế toán trên máy tính
- 3.4.4. Kiểm soát chu trình tài sản cố định.

3.5. Hệ thống thông tin kế toán trong chu trình sản xuất

- 3.5.1. Những vấn đề chung về chu trình sản xuất
- 3.5.2. Chu trình sản xuất trong kế toán thủ công
- 3.5.3. Chu trình sản xuất trong kế toán trên máy tính
- 3.5.4. Kiểm soát chu trình sản xuất

CHƯƠNG 4: CHU TRÌNH BÁO CÁO KẾ TOÁN

4.1. Những vấn đề chung về chu trình báo cáo kế toán

- 4.1.1. Khái niệm, đặc điểm chu trình báo cáo kế toán
- 4.1.2. Mối quan hệ giữa chu trình báo cáo kế toán với các chu trình khác

4.2. Nội dung chu trình báo cáo kế toán

4.2.1. Chu trình báo cáo kế toán trong kế toán thủ công

4.2.2. Chu trình báo cáo kế toán trong kế toán trên máy tính

4.2.3. Kiểm soát chu trình báo cáo kế toán

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TỔ CHỨC KẾ TOÁN NÂNG CAO

ADVANCED ACCOUNTING STRUCTURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Tổ chức kế toán nâng cao;

Mã học phần: KTO 310

2. Tên học phần (tiếng Anh): Advanced accounting structure

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Lê Thị Thanh Hương	0983.277.374	linhnguyen0700@gmail.com
2	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913.069.668	quynhanh_ulsa@yahoo.com
3	TS. Trần Thị Dự	0972.848.555	dudhldxh@gmail.com
4	TS. Đỗ Đức Tài	0904.509.101	taiketoanquocte@gmail.com

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu từ tổng quan, những vấn đề chung của tổ chức kế toán đến vấn đề chuyên sâu cụ thể, từ tổ chức thu nhận thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán và tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán.

7. Mục tiêu của học phần

- *Kiến thức:* Học phần này trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán trong doanh nghiệp. Học phần nghiên cứu từ tổng quan đến vấn đề chuyên sâu cụ thể, từ tổ chức thu nhận thông tin kế toán, tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán, tổ chức cung cấp thông tin kế toán và tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán. Học phần cung cấp kiến thức, phương pháp và nội dung để vận dụng tổ chức kế toán của doanh nghiệp phục vụ công tác tổ chức, quản lý, xác định các điều kiện để thực thi nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Những nội dung tổ chức kế toán là trọng tâm xuyên suốt trong quá trình xây dựng và vận dụng hệ thống pháp lý về kế toán vào từng doanh nghiệp cụ thể.

- *Kỹ năng*: Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về tổ chức kế toán để người học có thể vận dụng vào thực tiễn trong tổ chức kế toán tại các đơn vị, tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.

- *Thái độ*: Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập, kỹ năng vận dụng vào thực tiễn để đạt được mục tiêu học tập học phần.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Có thái độ học tập nghiêm túc.
- Có mặt trên lớp số giờ theo quy định.
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Hoàn thành đúng hạn và có chất lượng các bài tập và bài kiểm tra và nhiệm vụ giảng viên giao nghiên cứu ở nhà.
- Nắm được các vấn đề của học phần, vận dụng được các kiến thức đã nghiên cứu để tổ chức kế toán tại đơn vị hiệu quả.

9. Tài liệu học tập

[1]. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Luật số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội, Luật Kế toán.

[2]. Các quyết định, thông tư của Bộ Tài chính.

[3]. Bài giảng Cao học: Tổ chức kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2013.

[4]. Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), *Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.

[5]. Nghiêm Văn Lợi (2018), *Giáo trình tổ chức kế toán*, Đại học Lao động – Xã hội.

[6]. Các tạp chí kế toán, tài chính hàng tháng.

[7]. <http://ifrsvietnam.vn/tin-tuc/viet-nam-vas-67/chuan-muc-ke-toan-viet-nam-vas-199.html>.

www.webketoan.vnwww.mof.gov.vn

www.gdt.gov.vn

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá**: Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$\text{ĐMH} = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Những vấn đề chung của tổ chức kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]	7	7		14
2	Chương 2. Tổ chức thu nhận thông tin kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]	10	10		20

3	Chương 3. Tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]	9	9		18
4	Chương 4. Tổ chức cung cấp thông tin kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]	10	8	2	20
5	Chương 5. Tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán	[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]	7	7		14
	Tổng số		45	43	2	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN

1.1. Bản chất của tổ chức kế toán

1.2. Đối tượng của tổ chức kế toán

1.3. Ý nghĩa của tổ chức kế toán

1.4. Yêu cầu, nguyên tắc của tổ chức kế toán

1.5. Căn cứ khoa học của tổ chức kế toán

1.6. Nội dung của tổ chức kế toán

CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC THU NHẬN THÔNG TIN KẾ TOÁN

2.1. Tổ chức thu nhận thông tin kế toán bằng các chứng từ

2.1.1. Bản chất của tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

2.1.2. Ý nghĩa, nhiệm vụ của tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

2.1.3. Căn cứ tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

2.1.4. Nội dung tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

2.2. Vận dụng qui định pháp luật về kế toán ở Việt Nam để tổ chức thu nhận thông tin kế toán

CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HỆ THỐNG HÓA VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN KẾ TOÁN

3.1. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

3.1.1. Bản chất tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

3.1.2. Nhiệm vụ tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

- 3.1.3. Yêu cầu tổ chức hệ thống tài khoản kế toán
- 3.1.4. Nguyên tắc tổ chức hệ thống tài khoản kế toán
- 3.1.5. Căn cứ tổ chức hệ thống tài khoản kế toán
- 3.1.6. Nội dung xây dựng hệ thống tài khoản kế toán

3.2. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

- 3.2.1. Bản chất tổ chức hệ thống sổ kế toán
- 3.2.2. Căn cứ lựa chọn tổ chức hệ thống sổ kế toán
- 3.2.3. Nguyên tắc tổ chức hệ thống sổ kế toán
- 3.2.4. Nội dung tổ chức hệ thống sổ kế toán

3.3. Vận dụng qui định pháp luật về kế toán ở Việt Nam để tổ chức hệ thống hóa và xử lý thông tin kế toán

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC CUNG CẤP THÔNG TIN KẾ TOÁN

4.1. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

- 4.1.1. Bản chất tổ chức hệ thống báo cáo kế toán
- 4.1.2. Nhiệm vụ tổ chức hệ thống báo cáo kế toán
- 4.1.3. Nguyên tắc tổ chức hệ thống báo cáo kế toán
- 4.1.4. Nội dung tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

4.2. Vận dụng qui định pháp luật về kế toán ở Việt Nam để tổ chức cung cấp thông tin kế toán

CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC LAO ĐỘNG KẾ TOÁN VÀ BỘ MÁY KẾ TOÁN

5.1. Tổ chức lao động kế toán

- 5.1.1. Bản chất tổ chức lao động kế toán
- 5.1.2. Nguyên tắc tổ chức lao động kế toán
- 5.1.3. Yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức lao động kế toán
- 5.1.4. Nội dung tổ chức lao động kế toán

5.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

- 5.2.1. Căn cứ xây dựng mô hình tổ chức bộ máy kế toán
- 5.2.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

5.3. Vận dụng qui định pháp luật về kế toán ở Việt Nam để tổ chức lao động kế toán

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN NỘI BỘ
INTERNAL AUDIT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kiểm toán nội bộ; Mã học phần: KT0 311
2. Tên học phần (Tiếng Anh): Internal Audit
3. Số tín chỉ: 03 TC
4. Điều kiện tiên quyết: Không
5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đào Mạnh Huy	0988.191.723	daomanhhuy@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Nga	0904.662.977	nguyennga270781@gmail.com
3	TS. Trần Thị Hương	0904.509.101	tranhuong78ulsa@gmail.com

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần kiểm toán nội bộ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về kiểm toán nội bộ, hệ thống các chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế và các quy định pháp lý về kiểm toán nội bộ tại Việt Nam, tổ chức công tác kiểm toán báo cáo nội bộ tại một tổ chức và quy trình thực hiện một cuộc kiểm toán nội bộ.

7. Mục tiêu học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tổ chức công tác kiểm toán báo cáo nội bộ của một tổ chức. Đồng thời nghiên cứu các nguyên tắc chuẩn mực kiểm toán áp dụng vào công tác kiểm toán nội bộ.
- Học viên có khả năng chủ động tổ chức công tác kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Đọc trước các tài liệu do giảng viên cung cấp.
- Tham gia thuyết trình, thảo luận theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên đối với bài tập thực hành theo nhóm và bài tập cá nhân.
- Hoàn thành một bài kiểm tra giữa kỳ.

- Hoàn thành kỳ thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1]. Đào Mạnh Huy, *Đề cương bài giảng cao học: Kiểm toán nội bộ*, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2021.

[2]. Bộ Tài chính, *Thông tư 08/2021/TT-BTC qui định về Chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB*, 2021.

[3]. Chính phủ, *Nghị định 05/2019/NĐ-CP về Kiểm toán nội bộ*, 2019.

[4]. The Institute of internal Auditors, *Implementation Guides for The IIA's Code of Ethics and the International Standards for the Professional Practice of Internal Auditing*, 2019.

[5]. The Institute of internal Auditors, *International Standards for the Professional Practice of Internal Auditing*, 2016.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Khái quát chung về kiểm toán nội bộ	[1], [2], [3], [4], [5],	8	8		16
2	Chương 2: Quản trị công ty, Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ	[1], [2], [3], [4], [5],	6	6		12
3	Chương 3: Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế và các quy định pháp lý về kiểm toán nội bộ tại Việt Nam	[1], [2], [3], [4], [5],	8	8		16
4	Chương 4: Tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp	[1], [2], [3], [4], [5],	6	6		12
5	Chương 5: Chiến lược và kế hoạch kiểm toán năm	[1], [2], [3], [4], [5],	5	5		10
6	Chương 6: Quy trình thực hiện cuộc kiểm toán nội bộ	[1], [2], [3], [4], [5],	12	10	2	24
	Tổng cộng		45	43	2	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1.1. Quá trình hình thành và phát triển của kiểm toán nội bộ

1.1.1. Sự hình thành và phát triển kiểm toán nội bộ trên thế giới

1.1.2. Sự hình thành và phát triển kiểm toán nội bộ ở Việt Nam

1.2. Khái niệm về kiểm toán nội bộ

1.3. Mục tiêu và chức năng của kiểm toán nội bộ

1.3.1. Mục tiêu của kiểm toán nội bộ

1.3.2. Chức năng của kiểm toán nội bộ

1.4.Đối tượng và phạm vi của kiểm toán nội bộ

1.4.1.Đối tượng của kiểm toán nội bộ

1.4.2.Phạm vi của kiểm toán nội bộ

CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ CÔNG TY, KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

2.1.Quản trị công ty và vai trò của kiểm toán nội bộ

2.1.1.Bản chất của quản trị công ty

2.1.2.Vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với quản trị công ty

2.2.Quản trị rủi ro

2.2.1.Quản trị rủi ro và khung quản trị rủi ro

2.2.2.Quản trị rủi ro và phương pháp tiếp cận kiểm toán nội bộ.

2.2.3.Vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với quản trị rủi ro

2.3.Kiểm soát nội bộ

2.3.1.Khung kiểm soát nội bộ COSO

2.3.2.Vai trò của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với kiểm soát nội bộ

2.3.3.Kiểm toán nội bộ và Kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN NỘI BỘ QUỐC TẾ VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VIỆT NAM

3.1. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán nội bộ của IIA

3.1.1. Sứ mệnh của Kiểm toán nội bộ

3.1.2. Hệ thống Quy định bắt buộc

3.1.3. Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

3.1.4. Các Chuẩn mực Quốc tế về hoạt động kiểm toán nội bộ

3.2. Hệ thống quy định pháp lý về kiểm toán nội bộ tại Việt Nam

3.2.1. Nội dung quy định trong các văn bản Luật

3.2.2. Nội dung quy định trong Nghị định và Thông tư hướng dẫn

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

4.1. Khái quát chung về tổ chức kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.

4.2. Tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ

4.2.1. Xác định mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ

4.2.2. Xây dựng điều lệ kiểm toán nội bộ

4.2.3. Tổ chức chức năng kiểm toán nội bộ

- 4.2.4. Nhiệm vụ của chức năng kiểm toán nội bộ
- 4.2.5. Quyền hạn của chức năng kiểm toán nội bộ
- 4.2.6. Trách nhiệm của chức năng kiểm toán nội bộ
- 4.2.7. Mọi quan hệ với kiểm toán độc lập

4.3. Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ

- 4.3.1. Phương pháp tiếp cận kiểm toán nội bộ trên cơ sở phân tích rủi ro
- 4.3.2. Xây dựng quy trình kiểm toán nội bộ

CHƯƠNG 5: CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NĂM

5.1. Chiến lược kiểm toán nội bộ

- 5.1.1. Chiến lược kiểm toán
- 5.1.2. Điều phối hoạt động kiểm toán nội bộ

5.2. Quy trình lập Kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm

- 5.2.1. Tìm hiểu chiến lược, mục tiêu, rủi ro và quy trình quản lý rủi ro
- 5.2.2. Xem xét kết quả đánh giá rủi ro
- 5.2.3. Liên kết các rủi ro với những mục tiêu và quy trình cụ thể
- 5.2.4. Xem xét kỳ vọng của HĐQT, lãnh đạo đơn vị và các bên hữu quan
- 5.2.5. Dự thảo kế hoạch
- 5.2.6. Thảo luận và phê duyệt

CHƯƠNG 6: QUY TRÌNH THỰC HIỆN CUỘC KIỂM TOÁN NỘI BỘ

6.1. Lập kế hoạch kiểm toán

- 6.1.1. Những vấn đề cần nhắc khi lập kế hoạch
- 6.1.2. Mục tiêu và phạm vi kiểm toán
- 6.1.3. Phân bổ nguồn lực

6.2. Thực hiện kiểm toán

- 6.2.1. Thủ tục kiểm toán
- 6.2.2. Xác định thông tin
- 6.2.3. Phân tích và đánh giá
- 6.2.4. Ghi chép thông tin và lập hồ sơ kiểm toán
- 6.2.5. Giám sát thực hiện

6.3. Báo cáo kết quả

- 6.3.1. Kế hoạch trao đổi thông tin và báo cáo kết quả
- 6.3.2. Nội dung và tiêu chí trao đổi thông tin và báo cáo kết quả

6.3.3.Tần suất và cách thức trao đổi thông tin và phát hành báo cáo:

6.3.4.Chất lượng báo cáo

6.3.5.Phát hành và gửi báo cáo

6.3.6.Sai sót và bỏ sót

6.3.7.Thuyết minh các vấn đề không tuân thủ

6.3.8.Ý kiến tổng thể

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NÂNG CAO
ADVANCED FINANCIAL STATEMENTS AUDIT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)*

1. Tên học phần: Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao;

Mã học phần: KTO 312

2. Tên học phần (tiếng Anh): Advanced Financial Statements Audit

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Giáo viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đào Mạnh Huy	0988191723	daomanhhuy@gmail.com
2	TS. Nguyễn Thị Nga	0904662977	nguyennga270781@gmail.com
3	TS. Trần Thị Hương	0904.509.101	tranhuong78ulsa@gmail.com

6. Mô tả học phần

Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về kiểm toán báo cáo tài chính như đối tượng, phương pháp, quan hệ chủ thể và khách thể kiểm toán. Tiếp theo, người học sẽ được trang bị những nội dung cơ bản nhất của một cuộc kiểm toán được thực hiện thông qua ba (3) giai đoạn gồm lập kế hoạch kiểm toán; thực hành kiểm toán; và kết thúc kiểm toán. Theo đó, kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện hoặc theo các chu trình kinh doanh hoặc theo các khoản mục trên báo cáo tài chính (BCTC). Vì vậy, kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền (đại diện cho kiểm toán theo chu trình kinh doanh) và kiểm toán khoản mục tiền (đại diện kiểm toán theo khoản mục trên BCTC) sẽ trang bị cho người học. Tiếp đến là các công việc kiểm soát chất lượng kiểm toán và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên cũng được giới thiệu cho người học.

7. Mục tiêu của học phần

- Trang bị cho người học nắm được những kiến thức cơ bản nhất, cả về lý luận và thực tiễn, về kiểm toán báo cáo tài chính có gắn kết trong ngữ cảnh của Việt Nam và quốc tế. Qua đó, người học hiểu rõ hơn được các công việc cụ thể trong từng giai đoạn của một cuộc kiểm toán và vận dụng vào kiểm toán chu trình kinh doanh (như kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền) và kiểm toán các khoản mục trên BCTC

(như kiểm toán khoản mục Tiền).

- Người học hiểu được các công việc cụ thể khi kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán trong toàn công ty kiểm toán cũng như từng cuộc kiểm toán cụ thể; cũng như trách nhiệm pháp lý mà kiểm toán viên và công ty kiểm toán phải đương đầu.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Có thái độ học tập nghiêm túc.
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp.
- Hoàn thành đúng hạn và có chất lượng các bài tập và bài kiểm tra và nhiệm vụ giảng viên giao nghiên cứu ở nhà
- Nắm được các vấn đề của học phần, vận dụng được các kiến thức đã nghiên cứu để tổ chức kế toán tại đơn vị hiệu quả.

9. Tài liệu học tập

[1]. Đề cương bài giảng cao học: Kiểm toán tài chính, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2013.

[2]. TS. Đào Mạnh Huy (2021). Kiểm toán căn bản, Trường Đại học Lao động – Xã hội.

[3]. Phan Trung Kiên (2008) Giáo trình kiểm toán. Nhà Xuất bản tài chính. Hà Nội.

[4]. Đậu Ngọc Châu & Nguyễn Viết Lợi (2008). Giáo trình kiểm toán tài chính. Nhà Xuất bản tài chính. Hà Nội.

[5]. Vũ Hữu Đức (2005). *Kiểm toán*. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Nguyễn Quang Quynh và Nguyễn Thị Phương Hoa (2008). *Lý thuyết kiểm toán*. NXB Tài chính. Hà Nội.

[7]. Nguyễn Quang Quynh và Ngô Trí Tuệ (2006). *Giáo trình Kiểm toán tài chính*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.

[8]. Giáo trình kiểm toán. NXB Tài chính

[9]. Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính, NXB Tài chính.

[10]. Arens, A.A. & Loebbecke, J.K. (2003). Auditing: An Intergrated Approach. Prentice Hall International. Inc.

[11]. Arens, A.A. & Elder, R.J. (2008). Auditing and Assurance Services: An Intergrated Approach and ACL Software, 12/Edition. NXB Pearson, USA.

[12]. Whittington, O. & Pany K. (2008). Principles of Auditing & Other Assurance Services, 16th Edition, NXB McGraw-Hill, USA.

[13]. Victor, B. & Witt, H. (1982). Modern Internal Auditing: Appraising Operations and Controls. John Wiley & Sons, 4th Edition.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- Phương pháp đánh giá học phần

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung học phần

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
1	Chương 1. Kiểm toán báo cáo tài chính trong hệ thống kiểm toán	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	7	7		14
2	Chương 2. Lập kế hoạch kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	9	9		18

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	KT	Tự học
3	Chương 3. Kết thúc kiểm toán trong kiểm toán báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	5	5		10
4	Chương 4. Kiểm toán chu trình bán hàng và thu tiền	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	7	7		14
5	Chương 5. Kiểm toán tiền trong kiểm toán báo cáo tài chính	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	7	6	1	14
6	Chương 6. Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	5	5		10
7	Chương 7. Nghĩa vụ pháp lý của kiểm toán viên	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	5	5		10
	Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRONG HỆ THỐNG KIỂM TOÁN

1.1. Khái quát chung về kiểm toán tài chính

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Đối tượng

1.1.3. Cách thức tiến hành kiểm toán

1.1.4. Mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể kiểm toán

1.2. Mục tiêu kiểm toán

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

1.3. Phương pháp kiểm toán

1.3.1. Trắc nghiệm kiểm soát

1.3.2. Trắc nghiệm phân tích

1.3.3. Trắc nghiệm trực tiếp số dư

1.4. Trình tự kiểm toán

1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán

1.4.2. Thực hành kiểm toán

1.4.3. Kết thúc kiểm toán

CHƯƠNG 2. LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn bị cho kế hoạch kiểm toán

2.2. Thu thập thông tin cơ sở

2.3. Thu thập thông tin về nghĩa vụ pháp lý

2.4. Thực hiện thủ tục phân tích (quy trình phân tích)

2.5. Đánh giá trọng yếu và rủi ro kiểm toán

2.5.1. Đánh giá trọng yếu

2.5.2. Đánh giá rủi ro kiểm toán

2.6. Nghiên cứu kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro kiểm soát

CHƯƠNG 3. KẾT THÚC KIỂM TOÁN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3.1. Các công việc cơ bản trong kết thúc kiểm toán

3.2. Các loại báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

3.2.1. Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần

3.2.2. Báo cáo kiểm toán với ý kiến không chấp nhận toàn phần

CHƯƠNG 4. KIỂM TOÁN CHU TRÌNH BÁN HÀNG VÀ THU TIỀN

4.1. Chức năng và mục tiêu kiểm toán chu trình

4.1.1. Chức năng của chu trình

4.1.2. Mục tiêu kiểm toán

4.2. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát

4.3. Thực hiện thử nghiệm cơ bản

4.3.1. Thực hiện thủ tục phân tích

4.3.2. Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư

CHƯƠNG 5. KIỂM TOÁN TIỀN TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1. Khái quát chung về Tiền và tương đương tiền

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Mục tiêu kiểm toán

5.2. Thực hiện thử nghiệm kiểm soát

5.3. Thực hiện thử nghiệm cơ bản

5.3.1. Thực hiện thủ tục phân tích

5.3.2. Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư

CHƯƠNG 6. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN

6.1. Khái quát chung về kiểm soát chất lượng kiểm toán

6.2. Các yếu tố kiểm soát chất lượng kiểm toán

6.2.1. Độc lập, liêm chính và khách quan

6.2.2. Quản trị nhân sự

6.2.3. Chấp nhận/tiếp tục kiểm toán khách hàng

6.2.4. Thực hiện kiểm toán

6.2.5. Giám sát

CHƯƠNG 7. NGHĨA VỤ PHÁP LÝ CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

7.1. Khái quát chung về nghĩa vụ pháp lý của kiểm toán viên

7.2. Phân loại nghĩa vụ pháp lý của kiểm toán viên

7.2.1. Trách nhiệm đối với khách hàng

7.2.2. Trách nhiệm đối với Bên thứ ba

7.2.3. Trách nhiệm hình sự

7.3. Phản ứng của kiểm toán viên về nghĩa vụ pháp lý

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.

- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO
ADVANCED MANAGEMENT ACCOUNTING

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần (tiếng Việt):** Kế toán Quản trị nâng cao; **Mã học phần:** KTO 307
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Advanced Management Accounting
3. **Số tín chỉ:** 03
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ tên, Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Lê Thị Tú Oanh	0964176633	oanhletu@gmail.com
2	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0983230582	lantothingoc@gmail.com
3	TS. Trần Anh Quang	0985509327	quangktqt@gmail.com
4	TS. Nguyễn Quốc Hưng	0904411356	hungthinh99@gmail.com

6. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên kiến thức nâng cao về kế toán quản trị trong việc lập kế hoạch, thiết kế hệ thống kiểm soát, đánh giá hiệu quả và xây dựng giá chuyển nhượng phục vụ cho quản trị doanh nghiệp.

Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập.

Nhận thức rõ về vai trò của thông tin kế toán quản trị để có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

7. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức nâng cao phục vụ cho lập kế hoạch, thiết kế hệ thống kiểm soát, đánh giá hiệu quả và xây dựng giá chuyển nhượng gắn với mục tiêu và sự thành công trong thực hiện chiến lược của doanh nghiệp.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: 70% số giờ trở lên
- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần

9. Tài liệu học tập

- [1]. Bài giảng cao học: Kế toán quản trị nâng cao, Trường đại học Lao động - Xã hội, 2020.
- [2]. Giáo trình Kế toán quản trị - Trường Đại học Lao động xã hội 2018
- [3]. Bài tập Kế toán quản trị - Trường Đại học Lao động xã hội 2018
- [4]. Garrison R., Managerial Accounting, 12e, NXB McGrawhill, 2008

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

+ Loại không đạt:

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

F+ (2,0 – 3,9); F (dưới 2,0): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)				Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	ThH/TL	KT	
1	Chương 1. Kế toán quản trị trong môi trường toàn cầu hóa	1, 2, 3, 4	3	2	1		6
2	Chương 2. Phân loại chi phí và giá thành trong doanh nghiệp	1, 2, 3, 4	8	6	3		17
3	Chương 3. Lập kế hoạch và kiểm soát trong doanh nghiệp	1, 2, 3, 4	8	6	3		17
4	Chương 4. Báo cáo bộ phận	1, 2, 3, 4	8	6	2		16
5	Chương 5. Hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động	1, 2, 3, 4	10	5	3		18
6	Chương 6. Thông tin phù hợp cho việc ra quyết định	1, 2, 3, 4	8	5	2	1	16
	Tổng cộng		45	30	14	1	90

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA

1.1. Vai trò của kế toán quản trị đối với quản trị doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hóa

1.1.1. Định nghĩa về kế toán quản trị

1.1.2. Vai trò của kế toán quản trị đối với quản trị doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu hóa

1.2. Môi quan hệ giữa kế toán quản trị và quản trị doanh nghiệp

1.2.1. Các chức năng cơ bản của quản trị doanh nghiệp

1.2.2. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

1.2.3. Các phương pháp quản trị doanh nghiệp

CHƯƠNG 2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP

2.1. Phân loại chi phí trong doanh nghiệp

2.1.1. Phân loại theo đối tượng hạch toán chi phí

2.1.2. Phân loại theo chức năng

2.1.2. Phân loại theo quan hệ với báo cáo tài chính

2.1.3. Phân loại theo hình thái chi phí

2.2. Phân loại giá thành trong doanh nghiệp

2.2.1. Giá thành đầy đủ

2.2.2. Giá thành theo chi phí biến đổi

2.3. Ứng dụng trong việc ra quyết định quản trị doanh nghiệp

2.3.1. Lựa chọn phương án kinh doanh tối ưu

2.3.2. Phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận

CHƯƠNG 3. LẬP KẾ HOẠCH VÀ KIỂM SOÁT TRONG DOANH NGHIỆP

3.1. Lập dự toán trong doanh nghiệp

3.1.1. Vai trò của dự toán trong doanh nghiệp

3.1.2. Các loại dự toán

3.1.3. Các phương pháp lập dự toán

3.1.4. Phương pháp lập các dự toán chủ yếu

3.2. Sử dụng dự toán để kiểm soát và đánh giá hiệu quả

3.2.1. Chi phí chuẩn

3.2.2. Phân tích chênh lệch

CHƯƠNG 4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

4.1. Phân quyền trong tổ chức

4.1.1. Lợi ích của phân quyền trong tổ chức

4.1.2. Các trung tâm trách nhiệm

4.2. Lập báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp

4.2.1. Các cấp độ báo cáo bộ phận

4.3.2. Phân bổ chi phí chung

4.3. Hệ thống đánh giá hiệu quả trong doanh nghiệp

4.3.1. Vai trò của hệ thống đánh giá hiệu quả trong doanh nghiệp

4.3.2. Hệ thống đánh giá hiệu quả ngắn hạn

4.3.3. Hệ thống đánh giá hiệu quả chiến lược

CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG HẠCH TOÁN CHI PHÍ THEO HOẠT ĐỘNG

5.1. Hệ thống hạch toán chi phí truyền thống

5.2. Hạn chế của hệ thống hạch toán chi phí truyền thống

5.3. Phương hướng hoàn thiện hệ thống hạch toán chi phí

5.4. Hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động

5.5. Lợi ích và chi phí của hệ thống hạch toán chi phí theo hoạt động

CHƯƠNG 6. THÔNG TIN PHÙ HỢP CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH

6.1. Thông tin phù hợp và thông tin không phù hợp

6.2. Phân tích gia tăng

6.3. Ứng dụng thông tin phù hợp và phân tích gia tăng để ra quyết định

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Số tín chỉ của học phần này là 3 tín chỉ trong đó có 30 giờ lý thuyết và 14 giờ thảo luận/thực hành. Học viên sẽ phải thực hiện 1 bài kiểm tra quá trình.

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp với thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN THUẾ NÂNG CAO
ADVANCED TAX ACCOUNTING

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Kế toán Thuế nâng cao; **Mã học phần:** KTO 314
2. **Tên học phần (tiếng Anh):** Advanced Tax Accounting
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

STT	Họ tên, Học hàm, học vị	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Lê Thị Tú Oanh	0964.176.633	oanhletu@gmail.com
2	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0983.230.582	lantothingoc@gmail.com
3	TS. Trần Anh Quang	0985.509.327	quangktqt@gmail.com

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này sẽ trang bị cho học viên khái quát chung về lịch sử hình thành và sự phát triển của các loại thuế của thế giới và Việt Nam. Tiếp đến, học phần đi sâu và bản chất, cách tính thuế cũng như hạch toán kế toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần nhấn mạnh đến tính vận dụng và sự linh hoạt của các loại thuế trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp.

7. Mục tiêu học phần

Trang bị cho học viên những kiến thức tổng quát về thuế và những nội dung chi tiết của từng sắc thuế hiện hành. Học viên cũng biết cách vận dụng trong tính thuế, hạch toán và cách giải quyết cơ bản liên quan đến các tình huống trong thực tế.

Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập.

Nhận thức rõ về vai trò của thông tin kế toán thuế để có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- (1) Bài giảng Cao học: Kế toán thuế, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2020.
- (2) TS. Lê Thị Tú Oanh (chủ biên), Giáo trình Kế toán thuế, NXB Lao động Xã hội, 2019.
- (3) Câu hỏi và bài tập Kế toán thuế, Trường Đại học Lao động - Xã hội, 2016
- (4) Văn bản về Quản lý thuế và các Luật thuế trên website: <http://www.gdt.gov.vn>

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Tổng quan về thuế và kế toán thuế	1,2,3,4	4	4		8
2	Chương 2. Kế toán xuất nhập khẩu	1,2,3,4	7	7		14
3	Chương 3. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt	1,2,3,4	7	7		14
4	Chương 4. Kế toán thuế giá trị gia tăng	1,2,3,4	9	9		18
5	Chương 5. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	1,2,3,4	10	9	1	20
6	Chương 6. Kế toán thuế thu nhập cá nhân	1,2,3,4	5	5		10
7	Chương 7. Kế toán các thuế khác	1,2,3,4	3	3		6
	Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết**CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ****1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của các sắc thuế trên thế giới và Việt Nam**

1.1.1. Hệ thống các sắc thuế hiện hành trên thế giới và Việt Nam

1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của các sắc thuế trên thế giới và Việt Nam

1.2. Những vấn đề chung về thuế

1.2.1. Các yếu tố cơ bản của một sắc thuế

1.2.2. Vai trò của hệ thống thuế trong nền kinh tế thị trường

1.2.3. Quản lý thuế tại Việt Nam

1.3. Tổng quan về kế toán thuế

1.3.1. Bản chất của kế toán thuế

1.3.2. Vai trò, nhiệm vụ và tổ chức kế toán thuế trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU**2.1. Bản chất, vai trò của thuế XNK**

2.1.1. Bản chất của thuế XNK

2.1.2. Vai trò của thuế XNK

2.2. Nội dung cơ bản của thuế XNK

2.2.1. Đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế

2.2.2. Phương pháp xác định thuế XNK

2.2.3. Miễn, giảm, hoàn thuế XNK

2.2.4. Đăng ký, kê khai và nộp thuế XNK

2.3. Kế toán thuế XNK trong doanh nghiệp

2.3.1. Kế toán thuế nhập khẩu

2.3.2. Kế toán thuế xuất khẩu

2.3.3. Kế toán thuế của hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu

CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

3.1. Bản chất, vai trò của thuế tiêu thụ đặc biệt

3.1.1. Bản chất của thuế TTĐB

3.1.2. Vai trò của thuế TTĐB

3.2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt

3.2.1. Đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế và thuế suất thuế TTĐB

3.2.2. Phương pháp tính thuế TTĐB

3.2.3. Đăng ký, kê khai, hoàn thuế và quyết toán thuế TTĐB

3.3. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt trong doanh nghiệp

3.3.1. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu

3.3.2. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng tiêu thụ trong nước

CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

4.1. Bản chất, vai trò của thuế giá trị gia tăng

4.1.1. Bản chất của thuế GTGT

4.1.2. Vai trò của thuế GTGT

4.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng

4.2.1. Đối tượng nộp thuế

4.2.2. Đối tượng chịu thuế

4.2.3. Đối tượng không chịu thuế

4.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế

4.3. Kê khai và hoàn thuế giá trị gia tăng

4.3.1. Hóa đơn chứng từ

4.3.2. Kê khai thuế giá trị gia tăng

4.3.3. Hoàn thuế giá trị gia tăng

4.4. Kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

4.4.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp khấu trừ

4.4.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tính thuế theo phương pháp trực tiếp

CHƯƠNG 5. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1. Bản chất, vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

5.1.1. Bản chất của thuế thu nhập doanh nghiệp

5.1.2. Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

5.1.3. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập và chi phí

5.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp

5.2.1. Đối tượng nộp thuế

5.2.2. Đối tượng chịu thuế

5.2.3. Kỳ tính thuế

5.2.4. Căn cứ và phương pháp tính thuế

5.3. kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.3.1. kê khai thuế TNDN

5.3.2. Quyết toán thuế TNDN

5.4. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

5.4.1. Chứng từ hạch toán

5.4.2. Tài khoản hạch toán

5.4.3. Phương pháp hạch toán

CHƯƠNG 6. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

6.1. Bản chất, vai trò của thuế thu nhập cá nhân

6.1.1. Bản chất của thuế thu nhập cá nhân

6.1.2. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân

6.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập cá nhân

6.2.1 Đối tượng nộp thuế

6.2.2 Thu nhập chịu thuế

6.2.3 Giảm thuế

6.2.4 Cách tính thuế

6.3. kê khai, quyết toán thuế thu nhập cá nhân

6.3.1 kê khai thuế thu nhập cá nhân

6.3.2 Quyết toán thuế

6.3.3 Hoàn thuế

6.4. Kế toán thuế thu nhập cá nhân

6.4.1. Chứng từ hạch toán

6.4.2. Tài khoản hạch toán

6.4.3. Phương pháp hạch toán khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

CHƯƠNG 7. KẾ TOÁN CÁC THUẾ KHÁC

7.1. Giới thiệu nội dung một số sắc thuế khác

7.1.1. Thuế môn bài

7.1.2. Thuế tài nguyên

7.1.3. Thuế liên quan đến sử dụng đất đai

7.1.4. Phí, lệ phí

7.2. Kế toán các loại thuế khác

7.2.1. Chứng từ hạch toán

7.2.2. Tài khoản hạch toán

7.2.3. Phương pháp hạch toán

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi hướng dẫn học tập cho học viên, giới thiệu nguồn tham khảo. Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải kết hợp với thảo luận nhóm.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NÂNG CAO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. **Tên học phần:** Phân tích báo cáo tài chính nâng cao; **Mã học phần:** KTO 315
2. **Tên học phần bằng tiếng Anh:** Advanced Finance Reporting Analysis
3. **Số tín chỉ:** 03 TC
4. **Điều kiện tiên quyết:** Không
5. **Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	0982.09.25.18	thuyhuong7879@gmail.com
2	TS. Lương Thị Huyền	0983.064.178	<u>luonghuyen1982@gmail.com</u>
3	TS. Ngô Thị Minh	0984.666.732	ngominh0824@gmail.com

6. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức cho người học có năng lực chuyên môn sâu, có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tổ chức điều hành công tác chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và phân tích báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó đáp ứng nhu cầu nhân sự cao trong nền kinh tế thị trường.

7. Mục tiêu học phần

Trang bị cho người học những kiến thức nâng cao để đọc và kiểm tra báo cáo tài chính, đánh giá khái quát tình hình tài chính, phân tích cấu trúc tài chính và tình hình bảo đảm vốn cho hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, phân tích hiệu quả kinh doanh, định giá doanh nghiệp, dấu hiệu khủng hoảng và rủi ro tài chính, dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ.
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

[1] TS. Vũ Thị Thanh Thủy chủ biên (2019), *Giáo trình Phân tích Báo cáo Tài chính*, Nhà xuất bản Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

[2]. Chales H. Gibson (2001), *Financial Reporting Analysis*, South-Western College, Publising.

[3]. John J. Wild McGraw-Hill (2007), *Financial statement Analysis* (9th edition).

[4]. Eugene F.Brigham và Joel F. Houston (2009), *Quản trị tài chính*, Đại học Florida

[5] TS. Phạm Thị Thủy, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh (2012), *Báo cáo tài chính: phân tích, dự báo và định giá* – Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

[6]. ThS. Nguyễn Công Bình (2009), *Phân tích các báo cáo tài chính* – Nhà xuất bản giao thông vận tải.

[7]. Các website: của các công ty chứng khoán và:

www.kiemtoan.com.vn

www.tapchitaichinh.com.vn

www.mof.gov.vn

www.saga.com.vn

<http://www.investopedia.com>

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp tự luận với trắc nghiệm)

- **Phương pháp đánh giá học phần**

TT	Cách thức đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung học phần:

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra	Tự học
1	Chương 1. Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính	1, 2, 4	4	4		8
2	Chương 2. Phân tích cấu trúc tài chính trong mối quan hệ với tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	1, 2, 3, 4, 5,6	5	5		10
3	Chương 3. Phân tích tính thanh khoản và khả năng thanh toán	1, 2, 3, 4, 5,6	5	5		10
4	Chương 4. Phân tích dòng tiền	1, 2, 3, 4, 5,6	9	9		18
5	Chương 5. Phân tích hiệu quả kinh doanh	1, 2, 3, 4, 5,6	4	3	1	8
6	Chương 6: Phân tích rủi ro và phá sản	1, 2, 3, 4, 5,6	9	9		18
7	Chương 7: Dự báo tài chính và Định giá doanh nghiệp	1, 2, 3, 4, 5,6	9	9		18
	Tổng cộng		45	44	1	90

B. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.1. Mục đích và nội dung phân tích báo cáo tài chính

1.1.1. Mục đích phân tích báo cáo tài chính

1.1.2. Nội dung phân tích báo cáo tài chính

1.2. Phương pháp sử dụng trong phân tích báo cáo tài chính

1.2.1. Phương pháp so sánh

1.2.2. Phương pháp loại trừ

1.2.3. Phương pháp cân đối

1.2.4. Phương pháp Dupont

1.3. Các giả định và nguyên tắc lập báo cáo tài chính

1.4. Cơ sở dữ liệu phân tích báo cáo tài chính

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TÌNH HÌNH ĐẢM BẢO VỐN CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1. Phân tích cấu trúc tài chính

2.1.1. Ý nghĩa của phân tích cấu trúc tài chính

2.1.2. Phân tích cấu trúc tài sản và nguồn vốn

2.2. Phân tích tình hình đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÍNH THANH KHOẢN VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

3.1. Phân tích tính thanh khoản

3.1.1. Phân tích tính thanh khoản của hàng tồn kho

3.1.2. Phân tích tính thanh khoản của khoản phải thu

3.2. Phân tích khả năng thanh toán

3.2.1. Phân tích khả năng thanh toán ngắn hạn

3.2.2. Phân tích khả năng thanh toán dài hạn

CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

4.1. Giao dịch thông thường và sự ảnh hưởng đến dòng tiền

4.2. Ý nghĩa của phân tích dòng tiền

4.2.1. Mối quan hệ giữa Báo cáo lưu chuyển tiền tệ với các báo cáo tài chính khác

4.2.2. Ý nghĩa của phân tích dòng tiền

4.3. Các chỉ tiêu chủ yếu trong phân tích dòng tiền

CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH

5.1. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản

5.2. Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ PHÁ SẢN

6.1. Ý nghĩa của phân tích rủi ro và phá sản

6.2. Nội dung và phương pháp phân tích rủi ro và phá sản

CHƯƠNG 7: DỰ BÁO TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ DOANH NGHIỆP

7.1. Dự báo tài chính

7.1.1. Ý nghĩa của dự báo

7.1.2. Các phương pháp dự báo

7.2. Định giá doanh nghiệp

7.2.1. Ý nghĩa của định giá

7.2.2. Các phương pháp định giá

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP NÂNG CAO
ADVANCED ACCOUNTING IN PUBLIC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Kế toán hành chính sự nghiệp nâng cao;

Mã học phần: KTO 316

2. Tên học phần (tiếng Anh): Advanced Accounting in Public

3. Số tín chỉ: 03 TC

4. Điều kiện tiên quyết: không

5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS Phan Thị Thu Mai	0983.394.714	phanmai76@gmail.com
2	TS Nguyễn Thị Thanh Nga	0934.306.092	ngant1409@gmail.com
3	TS Hoàng Khánh Vân	0904.411.356	Vanhk212@yahoo.com

6. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp: hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, doanh thu, chi phí các hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán khi vận dụng các chuẩn mực kế toán công quốc tế và Việt Nam liên quan.

7. Mục tiêu của học phần

Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao, những lý thuyết và thực tiễn về kế toán các phần hành kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, thanh toán, doanh thu, chi phí các hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp khi vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế, chuẩn mực kế toán công Việt Nam.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp
- Tham gia nghe giảng và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao.
- Thực hiện 01 bài kiểm tra giữa kỳ
- Hoàn thành bài thi kết thúc học phần.

9. Tài liệu học tập

- [1]. Chuẩn mực kế toán công quốc tế.
- [2]. Chuẩn mực kế toán công Việt Nam.
- [3]. Phan Thị Thu Mai (2020), *Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp (tập 1)* – Đại học Lao động xã hội, Hà nội.
- [4]. Nguyễn Thị Thanh Nga (2021), *Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp (tập 2)* – Đại học Lao động xã hội, Hà nội.
- [5]. Bộ tài chính (2017), *Thông tư số 107/2017/TT – BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn chế độ hành chính sự nghiệp.p*
- [6]. Luật kế toán, luật ngân sách, luật bảo hiểm xã hội, luật bảo hiểm y tế.
- [7]. Thông tư, nghị định liên quan đến kế toán các đơn vị công, đơn vị hành chính sự nghiệp.
- [8]. Webservice của các đơn vị công, đơn vị hành chính sự nghiệp.

10. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Thi viết, tự luận

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Tham gia học tập, thảo luận trên lớp (A)	0,1
2	Bài tập, tiểu luận, kiểm tra (B)	0,3
3	Thi kết thúc học phần (C)	0,6
$ĐMH = A \times 0,1 + B \times 0,3 + C \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	KT	
1	Chương 1. Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong hệ thống kế toán công Việt Nam	[1], [2], [3] [4][5], [6], [7] [8]	4	4		8
2	Chương 2. Kế toán hàng tồn kho và tài sản cố định trong đơn vị hành chính sự nghiệp	[1], [2], [3] [5], [6], [7] [8]	12	12		24
3	Chương 3. Kế toán thanh toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp	[1], [2], [3] [5], [6], [7] [8]	9	8	1	18
4	Chương 4. Kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp	[1], [2], [4] [5], [6], [7] [8]	13	13		26
5	Chương 5. Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán	[1], [2], [4] [5], [6], [7]	7	6	1	14
	Tổng số		45	43	2	90

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

CHƯƠNG 1. KẾ TOÁN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP TRONG HỆ THỐNG KẾ TOÁN CÔNG VIỆT NAM

1.1. Tổng quan về kế toán công Việt Nam

1.1.1. Đơn vị công và hệ thống kế toán công tại Việt Nam

1.1.2. Chuẩn mực kế toán công và sự ảnh hưởng đến hệ thống kế toán công tại Việt Nam

1.1.3. Vị trí kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong hệ thống kế toán công Việt Nam

1.2. Những vấn đề chung của kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

1.2.1. Đặc điểm hoạt động, đặc điểm quản lý tài chính của đơn vị HCSN

1.2.2. Nhiệm vụ và nội dung của kế toán trong các đơn vị HCSN

1.3. Mối quan hệ giữa kế toán hành chính sự nghiệp và hệ thống kế toán công Việt Nam

CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

2.1. Kế toán hàng tồn kho

2.2.1. Chuẩn mực kế toán liên quan

2.2.2. Nội dung kế toán hàng tồn kho

2.2. Kế toán tài sản cố định

2.2.1. Chuẩn mực kế toán liên quan

2.2.2. Nội dung kế toán tài sản cố định

2.3. Nhận xét việc vận dụng chuẩn mực kế toán công đối với kế toán hàng tồn kho và tài sản cố định trong đơn vị hành chính sự nghiệp

CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN THANH TOÁN TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

3.1. Chuẩn mực kế toán liên quan

3.2. Nội dung các khoản thanh toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

3.3. Nhận xét việc vận dụng chuẩn mực kế toán công đối với kế toán thanh toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

4.1. Chuẩn mực kế toán liên quan

4.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp

4.3. Nhận xét việc vận dụng chuẩn mực kế toán công đối với kế toán doanh thu, chi phí các hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp

CHƯƠNG 5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

5.1 Chuẩn mực kế toán liên quan

5.2. Nội dung báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

5.3. Nhận xét việc vận dụng chuẩn mực kế toán công đối với việc lập Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị slide bài giảng, câu hỏi thảo luận, giới thiệu nguồn tham khảo thực tế.
- Nên sử dụng phương pháp thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.
- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP THẠC SĨ NGÀNH KẾ TOÁN
(FINAL INTERNSHIP OF ACCOUNTING)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

- 1. Tên học phần (tiếng Việt):** Thực tập thạc sĩ ngành Kế toán
- 2. Mã học phần:** KT0.417
- 3. Tên học phần (tiếng Anh):** Final Internship of Accounting
- 4. Số tín chỉ:** 06 TC
- 5. Điều kiện tiên quyết:** Đã tích lũy đủ 45 tín chỉ các học phần trong chương trình thạc sĩ Kế toán
- 6. Giảng viên tham gia giảng dạy**

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913069668	quynhanhdtulsa@gmail.com
2	TS. Đào Mạnh Huy	0914561938	daomanhhuy@gmail.com
3	PGS. TS. Bùi Thị Ngọc	0989077435	buithingoc.ldxh@gmail.com
4	PGS, TS. Lê Thị Tú Oanh	0964176633	oanhletu@gmail.com
5	TS. Phan Thị Thu Mai	0983394714	Phanmai76@gmail.com
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	0934306092	ngantt1409@gmail.com
7	TS. Lê Thị Thanh Hương	0983277374	linhnghuyen0700@gmail.com
8	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0911898988	lantothingoc@gmail.com
9	TS. Trần Thị Dự	0972848555	dudhldxh@gmail.com
10	TS. Trần Thị Hương	0904509101	tranhuong78ulsa@gmail.com
11	TS. Đỗ Đức Tài	0904509101	taiketoanquocte@gmail.com
12	TS. Nguyễn Thị Nga	0904662977	nguyennga270781@gmail.com

13	TS. Ngô Quang Hùng	0902096464	hung1982hvtc@gmail.com
14	TS. Hoàng Khánh Vân	0904411356	vanhk212@yahoo.com
15	TS. Tạ Thị Thúy Hằng	0983024118	hangulsa@gmail.com
16	TS. Trần Anh Quang	0985509327	quangktqt@gmail.com
17	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	0983064178	thuyhuong7879@gmail.com
18	TS. Nguyễn Quốc Hưng	0983455576	hungthinh99@gmail.com
..			

7. Mục tiêu của học phần

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho Học viên cao học vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn triển khai các hoạt động kế toán tại đơn vị thực tập, trải nghiệm các hoạt động. Đồng thời, học phần còn gợi mở cho Học viên các nội dung chuyên đề chuyên sâu để Học viên nghiên cứu thực hiện trong quá trình thực tập.

Kiến thức: Kết nối, kiểm nghiệm, hoàn thiện hệ thống kiến thức về chính sách tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế cách thức tổ chức và triển khai các hoạt động chức năng về Kế toán.

Kỹ năng: rèn luyện kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề tổ chức bộ máy kế toán, các phân hành kế toán, các vấn đề liên quan đến tài chính, thuế trong cơ sở thực tập

Thái độ: Chuyên nghiệp, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo hoàn thiện các nghiệp vụ Kế toán.

8. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần này giúp học viên nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập, nghiên cứu cách thức tổ chức và triển khai các nghiệp vụ kế toán tại đơn vị và được hướng dẫn trực tiếp của giảng viên để hoàn thành các nhiệm vụ thực tập thực tế và viết báo cáo kết quả thực tập tại đơn vị. Qua quá trình nghiên cứu, trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập sẽ giúp cho học viên hoàn thiện hệ thống kiến thức về các nghiệp vụ Kế toán.

9. Nhiệm vụ của học viên

- Xây dựng kế hoạch thực tập phù hợp tại đơn vị, viết báo cáo thu hoạch thực tập đúng quy định và đảm bảo tiến độ.

- Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, xử lý các công việc thực tế, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để tiến hành công tác một cách hợp lý, bảo đảm chất lượng và

hiệu quả.

- Tuân thủ và thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ theo yêu cầu của NHDKH trong quá trình thực tập.

- Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện và các kết quả thực tập cho NHDKH.

- Phục vụ yêu cầu công tác tại nơi thực tập theo đúng yêu cầu của đơn vị. Bảo đảm kỷ luật lao động nghiêm túc và có trách nhiệm trong công việc.

- Giữ gìn, quảng bá thương hiệu và văn hóa của Khoa Kế toán và Trường Đại học Lao động – Xã hội.

10. Tài liệu học tập

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Đề cương thực tập tốt nghiệp thạc sĩ ngành kế toán theo quy định của nhà trường.

[2] Quy định về thể thức báo cáo thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

[3] Danh mục các chủ đề nghiên cứu trong thực tập tốt nghiệp thạc sĩ ngành kế toán

- *Tài liệu tham khảo:*

Các sách, giáo trình và tài liệu chuyên ngành Kế toán

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Báo cáo thực tập

- **Phương thức đánh giá học phần**

TT	Căn cứ đánh giá	Trọng số
1	Giảng viên đánh giá ý thức, thái độ, tinh thần của học viên, quá trình gặp gỡ, trao đổi và làm việc với giảng viên hướng dẫn (A)	0,4
2	Báo cáo thực tập cuối khóa theo quy định của Trường (B)	0,6
$ĐMH = A \times 0,4 + B \times 0,6$		

11. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt:

A (8,5 – 9,1); A+ (9,2 – 10): Giỏi

B (7,0 – 7,6); B+ (7,7 – 8,4): Khá

C (5,5 – 6,1); C+ (6,2 – 6,9): Trung bình

+ Loại không đạt:

D (4,0 – 4,6); D+ (4,7 – 5,4): Trung bình yếu

F (dưới 2,0); F+ (2,0 – 3,9): Kém

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	TH	
1	Phần 1. Khái quát về doanh nghiệp/đơn vị HCSN	[1], [2], [3].	90	15	75	67
2	Phần 2. Chuyên đề chuyên sâu	[1], [2], [3].	180	15	165	113
	Tổng số		270	30	240	180

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

Phần 1. Khái quát về doanh nghiệp/đơn vị HCSN

1.1. Đặc điểm về tổ chức kinh doanh và quản lý kinh doanh ở công ty (*hoạt động của đơn vị HCSN*)

1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty (*đơn vị*)

1.2.2. Lĩnh vực kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm (*đặc điểm hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp*)

1.1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty

1.1.4. Kết quả kinh doanh của công ty một số năm gần đây (3 năm) (*kết quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp*)

1.2. Hình thức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán Công ty ... (*đơn vị*)

1.2.1. Hình thức kế toán

1.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán

1.2.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty (*đơn vị*)

1.2.4. Tình hình sử dụng máy vi tính tại công ty (*đơn vị*)

Phần 2. Chuyên đề chuyên sâu

2.1. Mô tả thực trạng

2.2. Đánh giá thực trạng

2.3. Đề xuất giải pháp/ khuyến nghị

Lưu ý: Học viên lựa chọn đề tài viết chuyên đề chuyên sâu trong danh mục

Đối với doanh nghiệp: Học viên cần lựa chọn nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán và thực tế doanh nghiệp đang tổ chức, triển khai tại đơn vị (Lựa chọn theo danh mục kèm theo đề cương)

Đối với đơn vị HCSN, Học viên cần lựa chọn nội dung phù hợp với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán và thực tế đơn vị HCSN đang tổ chức (Lựa chọn theo danh mục kèm theo đề cương)

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Giảng viên cần chuẩn bị các nội dung hướng dẫn học viên thực tập tại đơn vị và viết chuyên đề chuyên sâu.

- Giới thiệu tài liệu và nguồn tham khảo thực tế.

- Giảng viên hướng dẫn cần giám sát quá trình thực tập của học viên tại đơn vị thực tập.

- Giảng viên và học viên cần thường xuyên trao đổi, thảo luận trong quá trình thực tập và viết chuyên đề.

- Học viên lựa chọn đề tài viết chuyên đề chuyên sâu trong danh mục kèm theo đề cương.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI VIẾT CHUYÊN ĐỀ CHUYÊN SÂU
(Học viên có thể lựa chọn một chuyên đề chuyên sâu thuộc ngành Kế toán chọn một trong các chủ đề sau)

Chủ đề thực tập tốt nghiệp đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

1. Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
2. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
3. Kế toán tài sản cố định
4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
6. Kế toán thanh toán với người mua, người bán
7. Kế toán tiêu thụ sản và xác định kết quả kinh doanh
8. Kế toán thuế Giá trị gia tăng
9. Kế toán thuế Xuất nhập khẩu
10. Kế toán thuế Tiêu thụ đặc biệt
11. Kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp
12. Kế toán quản trị (Phân loại chi phí, lập dự toán và đánh giá dự toán, phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận, báo cáo quản trị)

Chủ đề thực tập tốt nghiệp đối với đơn vị hành chính sự nghiệp

13. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
14. Kế toán tài sản cố định.
15. Kế toán thu, chi hoạt động từ nguồn ngân sách cấp.
16. Kế toán thu, chi hoạt động từ nguồn viện trợ, vay nợ.
17. Kế toán thu, chi hoạt động từ nguồn phí, lệ phí được khấu trừ, để lại.
18. Kế toán các khoản tạm thu, tạm chi.
19. Kế toán thu, chi các loại bảo hiểm trong đơn vị BHXH.
20. Kế toán chi và nguồn kinh phí ưu đãi người có công.
21. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.
22. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương
23. ...

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ NGÀNH KẾ TOÁN
(GRADUATION THESIS OF ACCOUNTING)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLĐXH ngày / /2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

1. Tên học phần (tiếng Việt): Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán
Mã học phần: KTO.518
2. Tên học phần (tiếng Anh): Graduation thesis of Accounting
3. Số tín chỉ: 09 TC
4. Điều kiện tiên quyết: Thực tập thạc sĩ ngành kế toán
5. Giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ và tên, chức danh, học vị	Điện thoại liên hệ	Email
1	TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	0913069668	quynhanhdtulsa@gmail.com
2	TS. Đào Mạnh Huy	0914561938	daomanhhuy@gmail.com
3	PGS, TS. Bùi Thị Ngọc	0989077435	buithingoc.ldxh@gmail.com
4	PGS, TS. Lê Thị Tú Oanh	0964176633	oanhletu@gmail.com
5	TS. Phan Thị Thu Mai	0983394714	Phanmai76@gmail.com
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	0934306092	ngantt1409@gmail.com
7	TS. Lê Thị Thanh Hương	0983277374	linhnghuyen0700@gmail.com
8	TS. Tô Thị Ngọc Lan	0911898988	lantothingoc@gmail.com
9	TS. Trần Thị Dự	0972848555	dudhldxh@gmail.com
10	TS. Trần Thị Hương	0904509101	tranhuong78ulsa@gmail.com
11	TS. Đỗ Đức Tài	0904509101	taiketoanquocte@gmail.com
12	TS. Nguyễn Thị Nga	0904662977	nguyennga270781@gmail.com
13	TS. Ngô Quang Hùng	0902096464	hung1982hvtc@gmail.com

14	TS. Hoàng Khánh Vân	0904411356	vanhk212@yahoo.com
15	TS. Tạ Thị Thúy Hằng	0983024118	hangulsa@gmail.com
16	TS. Trần Anh Quang	0985509327	quangktqt@gmail.com
17	TS. Vũ Thị Thanh Thủy	0983064178	thuyhuong7879@gmail.com
18	TS. Nguyễn Quốc Hưng	0983455576	hungthinh99@gmail.com
..			

6. Mục tiêu của học phần

Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho Học viên cao học nắm vững phương pháp và cách thức thực hiện đề án tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho Học viên các kỹ năng thực hiện đề án tốt nghiệp thuộc chuyên ngành kế toán.

- *Kiến thức*: Nắm vững được phương pháp, cách thức thực hiện đề án tốt nghiệp thuộc chuyên ngành Kế toán.

- *Kỹ năng*: Thực hành được việc thiết kế, xây dựng và thực hiện đề án tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán theo mục tiêu đặt ra.

- *Thái độ*: Tôn trọng, chấp nhận, nỗ lực và kiên trì theo đuổi mục tiêu của đề án.

7. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Học phần sẽ cung cấp cho Học viên những cơ sở nền tảng để thực hiện đề án tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán. Nắm được các phương pháp thực hiện đề án tốt nghiệp; cung cấp kỹ năng thiết kế và thực hiện đề án tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán; Hướng dẫn, giúp học viên hoàn thiện đề án với kết quả và có định hướng ứng dụng cụ thể tại đơn vị và các cơ quan, tổ chức liên quan.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Nghiên cứu, tổng quan tài liệu và trao đổi, thảo luận với người hướng dẫn khoa học (NHDKH) để xác định đề tài nghiên cứu của Đề án.

- Xây dựng đề cương và bảo vệ đề cương Đề án đúng thời gian quy định.

- Tuân thủ và thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ theo yêu cầu của NHDKH trong quá trình thực hiện Đề án.

- Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện và các kết quả nghiên cứu cho NHDKH.

- Phải thực hiện Đề án đúng tiến độ, thời gian cho phép và đạt được mục tiêu nghiên cứu của Đề án đã đề ra

- Hoàn thành Đề án và bảo vệ Đề án đúng thời gian quy định.

9. Tài liệu học tập

[1] Đề cương đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán theo quy định của nhà trường.

[2] Quy định về thể thức trình bày đề án tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

[3] Đoàn Thị Quỳnh Anh; Lê Thị Thanh Hương (2020), *Giáo trình Kế toán tài chính* (Tập 1), Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.

[4] Trương Đức Định (2020), *Giáo trình Kế toán tài chính* (Tập 2), Nhà xuất bản Lao động - Xã Hội.

[5] Phan Thị Thu Mai (2019), *Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp* (Tập 1), Trường Đại học Lao động – Xã hội – Tài liệu lưu hành nội bộ.

[6] Nguyễn Thị Thanh Nga (2020), *Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp* (Tập 2), Trường Đại học Lao động – Xã hội – Tài liệu lưu hành nội bộ.

[7] Đào Mạnh Huy (2018), *Bài giảng Kiểm soát nội bộ*, Trường Đại học Lao động – Xã hội – Lưu hành nội bộ.

[8] Vũ Thị Thanh Thủy (2019), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học bách khoa Hà Nội.

[9] Lê Thị Tú Oanh (chủ biên) (2019), *Giáo trình Kế toán thuế*, Nhà xuất bản Lao động Xã Hội.

[10] Nghiêm Văn Lợi (2017), *Giáo trình tổ chức kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính

[11] Trường Đại học Lao động - Xã hội (2018), *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Tài chính.

[12] Bùi Thị Ngọc, Trần Thị Dữ (2020), *Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán*, Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

...

10. Hình thức và phương thức đánh giá học phần

- **Hình thức đánh giá:** Bảo vệ Đề án trước hội đồng

- **Phương thức đánh giá học phần:** Điểm kết luận của hội đồng chấm Đề án

11. Thang điểm

Theo quy định chấm đề án thạc sĩ của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

12. Nội dung

A. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Tài liệu	Phân bổ thời gian (giờ)			Tự học (giờ)
			Tổng số	LT	TH	
1	Phần mở đầu	[1]	100		100	
2	Cơ sở nghiên cứu	[1]	100		100	
3	Kết quả nghiên cứu	[1]	100		100	
4	Giải pháp, khuyến nghị	[1]	105		105	
	Tổng số		405		405	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; ThH: Thực hành; TL: Thảo luận; KT: Kiểm tra

B. Nội dung chi tiết

1. Phần mở đầu

- 1.1. Lý do chọn đề tài
- 1.2. Tổng quan nghiên cứu
- 1.3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
- 1.5. Phương pháp nghiên cứu
- 1.6. Kết cấu của đề án

2. Cơ sở triển khai đề án

- 2.1 Cơ sở lý thuyết, lý luận
- 2.2. Cơ sở thực tiễn (Kinh nghiệm thực tiễn)

3. Kết quả nghiên cứu

- 3.1. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện đề án
- 3.2. Thực trạng các nội dung nghiên cứu của đề án
- 3.3. Nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu của đề án

4. Giải pháp, khuyến nghị

- 4.1. Đề xuất giải pháp để giải quyết các nguyên nhân gây ra vấn đề
- 4.2. Khuyến nghị/gợi ý chính sách phù hợp với vấn đề đã phát hiện

13. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Người hướng dẫn khoa học (NHDKH) chịu trách nhiệm hướng dẫn học viên viết đề cương nghiên cứu chi tiết, thu thập và xử lý số liệu, đánh giá chất lượng Đề án của học viên trước khi cho phép học viên nộp cho Hội đồng.

- Sau khi hoàn thành đề cương nghiên cứu, học viên chủ động thực hiện công việc theo kế hoạch đề ra.

- Đề cương này sẽ được rà soát, chỉnh sửa 2 năm/lần

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng